



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

MỤC LỤC

THƯ NGỎ	1
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	2
1. Lịch sử hình thành	2
2. Quá trình phát triển	3
2.1. Ngành nghề kinh doanh	3
2.2. Địa bàn kinh doanh	3
2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty	3
3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	4
3.1. Mô hình quản trị	4
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ	4
3.3. Công ty mẹ và các Công ty con	6
4. Định hướng phát triển	7
4.1. Các mục tiêu chính của Công ty	7
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn	10
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững	11
5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	11
5.1. Về môi trường nước và chất lượng cá giống	11
5.2. Về thị trường tiêu thụ	11
5.3. Về thiên tai và tác động của con người	11
5.4. Về chính trị	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh	12
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2025	12
1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch	13
1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	14
2.1. Danh sách Ban Điều hành	14
2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2025	16
2.3. Nguồn nhân lực	16
3. Tình hình thực hiện đầu tư và thực hiện các dự án	16
3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2025	16
3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con	16
4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I	18
4.1. Tình hình tài chính năm 2025	18
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
5.1. Cổ phần	19
5.2. Cơ cấu cổ đông	19
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ	20
5.5. Các chứng khoán khác	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	20
6.1. Tác động lên môi trường	20
6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	20
6.3. Tiêu thụ năng lượng	21
6.4. Tiêu thụ nước	21

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.	21
6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.	21
6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	23
6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.	23
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	23
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i>	23
1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.	23
1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.	23
2. <i>Tình hình tài chính.</i>	26
2.1. Phân tích tình hình tài sản.	26
2.2. Tình hình nợ phải trả.	26
3. <i>Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 (Riêng Công ty mẹ).</i>	27
4. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.</i>	29
4.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.	29
4.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.	29
4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường	30
4.4. Về quản lý chất thải nguy hại:	30
4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	30
4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	31
1. <i>Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.</i>	31
2. <i>Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:</i>	31
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.	32
1. <i>Hội đồng quản trị.</i>	32
1.1. Các thành viên Hội đồng quản trị.	32
1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:	33
2. <i>Ban Kiểm soát</i>	33
2.1. Các thành viên Ban Kiểm soát	33
2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.	34
3. <i>Ban Kiểm toán nội bộ.</i>	34
3.1. Các thành viên:	34
3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:	35
4. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.</i>	35
4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025.	35
4.2. Các khoản lợi ích khác:	36
4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2025:	36
4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:	36
4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:	36
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025.	37
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	37
2. <i>Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.</i>	37

THƯ NGỎ!



Kính thưa: **Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên.**

Năm 2025 là một năm nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu và ngành thủy sản. Trong bối cảnh đó, I.D.I đã lựa chọn một hướng đi nhất quán: giữ vững nền tảng, củng cố nội lực và chuẩn bị cho chu kỳ tăng trưởng mới.

Chúng tôi không theo đuổi tăng trưởng bằng mọi giá, mà tập trung nâng cao chất lượng vận hành, hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín và gia tăng năng lực cạnh tranh cốt lõi. Những khoản đầu tư vào công nghệ, vùng nguyên liệu, năng lượng và tự động hóa, không chỉ giải quyết bài toán hiện tại mà còn đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong nhiều năm tới.

Trong một thế giới nhiều biến động, điều tạo nên sức mạnh của doanh nghiệp không chỉ là quy mô, mà là khả năng thích ứng, kỷ luật trong quản trị và tầm nhìn dài hạn. I.D.I đã, đang và sẽ kiên định với những giá trị đó.

Kính thưa Quý vị,

Hơn 20 năm hình thành và phát triển, giá trị cốt lõi mà I.D.I gầy dựng không chỉ là quy mô sản xuất hay thị phần, mà là niềm tin đã được kiểm chứng qua thời gian. Niềm tin của Quý Cổ đông, sự đồng hành bền chặt của đối tác và tinh thần tận tâm, kỷ luật của đội ngũ chính là nền tảng vững chắc để chúng tôi kiên định tiến về phía trước và bứt phá trong tương lai.

Năm 2026, I.D.I bước vào giai đoạn mới với sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, tư duy chiến lược rõ ràng hơn và nền tảng nội lực vững vàng hơn. Chúng tôi tin tưởng vào khả năng phục hồi và tăng trưởng, đồng thời cam kết tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị doanh nghiệp và mang lại lợi ích bền vững cho Quý Cổ đông.

Tôi tin rằng, Chúng ta đã đi qua những giai đoạn khó khăn nhất – và đang đứng trước những cơ hội lớn hơn với niềm tin chiến thắng tuyệt đối.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị.

Trân trọng kính chào!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thuận

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

1. Lịch sử hình thành.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và được Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 22 số 0303141296 ngày 23/09/2025.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký: 2.731.726.680.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 2.731.726.680.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 0277 3680 383 Fax: 0277 3680 382
- Website: www.idiseafood.com
- Email: info@idiseafood.com
- Mã số thuế: 0303141296



Cụm công nghiệp Vàm Cống và các nhà máy của I.D.I

2. Quá trình phát triển.

2.1. Ngành nghề kinh doanh.

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Mua bán thức ăn thủy sản.
- Kinh doanh bất động sản.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo I.D.I được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 72830/QĐ-SHTT ngày 19/10/2017.

2.2. Địa bàn kinh doanh.

Năm 2025, Công ty đã xuất khẩu đến hơn 150 khách hàng với 49 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, thị trường Trung Quốc - Hồng Kông chiếm gần 30%; thị trường Mexico chiếm hơn 19% tổng doanh thu xuất khẩu trong 02 năm gần nhất.



Trụ sở làm việc của Công ty I.D.I

2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty.

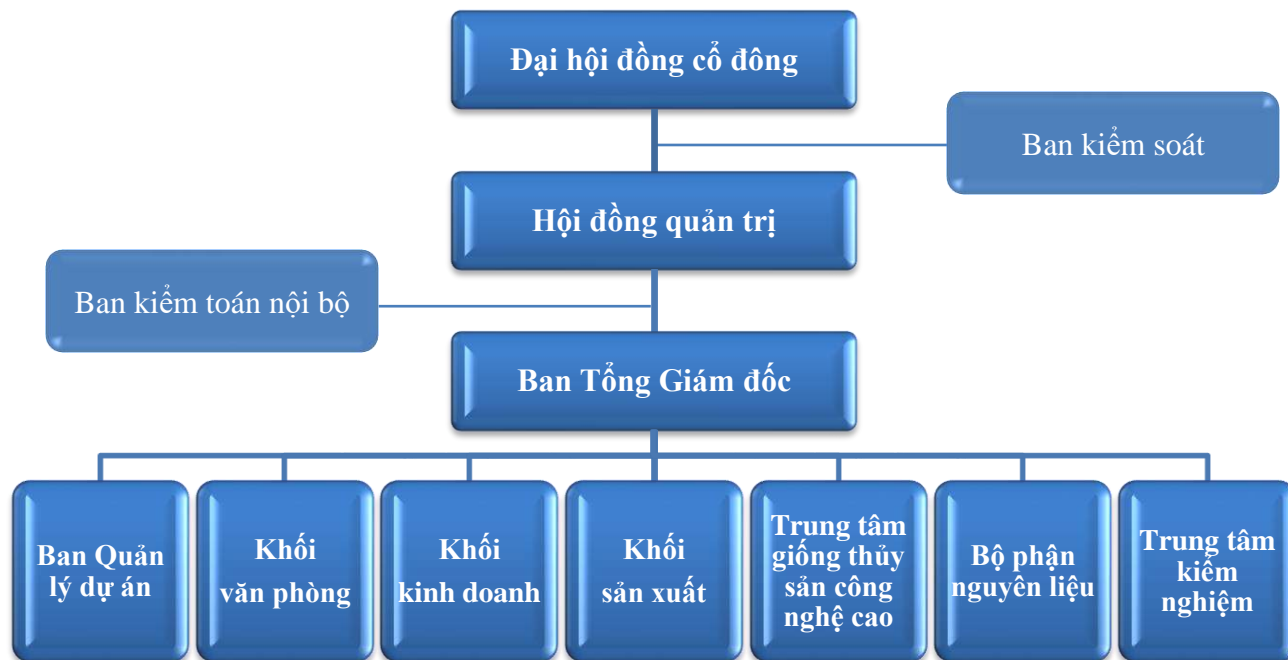
- Năm 2003, được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng.
- Năm 2007-2008 khởi công xây dựng và hoàn thành Nhà máy chế biến thủy sản số 1.
- Năm 2010, vận hành Nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2011, đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- Năm 2016, vận hành Nhà máy thủy sản số 2 với công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2018, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2020, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2025, khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 03 với công suất 120 tấn nguyên liệu/ngày.

- I.D.I luôn có tên trong top 4 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam.

3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

3.1. Mô hình quản trị:

Hiện tại Công ty I.D.I đang hoạt động theo “ Điểm 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ.

3.2.1. Hội đồng quản trị.



Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty I.D.I

Hội đồng quản trị (HĐQT) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất, kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 gồm có:

- Ông Lê Thanh Thuán Chủ tịch.
- Ông Lê Tuấn Anh Phó chủ tịch.
- Ông Lê Văn Cảnh Thành viên HĐQT.
- Ông Tống Phi Hùng Thành viên HĐQT độc lập.
- Ông Lê Mạnh Huân Thành viên HĐQT độc lập.

3.2.2. Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát (BKS) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty.

Thành viên BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029 gồm có:

- Ông Từ Thiện Thoại Trưởng ban.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Loan Thành viên.
- Bà Đoàn Nguyễn Kim Phượng Thành viên.

3.2.3. Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc gồm có:

- Ông Lê Văn Cảnh Tổng Giám đốc.
- Bà Võ Thị Minh Tâm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Hải Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Thế Tùng Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Trương Công Khánh Giám đốc tài chính.
- Ông Nguyễn Đức Phương Kế toán trưởng.

3.2.4. Ban Kiểm toán nội bộ.

Kiểm toán nội bộ (KTNB) đóng vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. KTNB là một quan sát viên độc lập do HĐQT bầu ra nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật quốc gia, đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của Công ty. KTNB chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giữ vai trò là người tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc và HĐQT về kiểm soát rủi ro.

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ gồm có:

- Bà Lê Thị Phượng Trưởng ban.
- Bà Ngô Thị Tố Ngân Thành viên.
- Ông Lê Hoàng Cương Thành viên.

3.3. Công ty mẹ và các Công ty con.**3.3.1. Công ty Mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM).**

- Vốn điều lệ: 4.701.941.830.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + *Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.*
- + *Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.*
- + *Thủy Sản.*
- + *Điện năng lượng tái tạo.*

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2025	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.731.726.680.000	1.399.349.160.000	51,23%

3.3.2. Công ty con.**a. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).**

- Vốn điều lệ: 692.283.410.000 đồng.
- Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + *Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
- + *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ Trisedco đến 31/12/2025	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu (%)
692.283.410.000	548.613.400.000	79,25%

b. Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 1, tiểu khu 834, cụm Ba Tầng, Xã Đắc Wil, Tỉnh Lâm Đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: *Trồng cây cao su.*

Đơn vị tính: VNĐ

Vốn điều lệ Công ty Vĩnh An Đắc Nông đến 31/12/2025	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2025	Tỷ lệ (%)
60.000.000.000	58.500.000.000	97.50%

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chính của Công ty.

4.1.1. Xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao.

Công ty đang xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá tra nguyên liệu... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.



4.1.2. Phát triển vùng nuôi cá liên kết với Công ty.

Bên cạnh mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trang trại cá giống hiện đại, Công ty cũng luôn nỗ lực tìm kiếm đầu tư và phát triển vùng nuôi liên kết với các hộ nông dân có vùng nuôi cá tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cá thành phẩm cũng như việc kiểm soát được giá thành.



4.1.3. Xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3.

Công ty đã hoàn thiện pháp lý đầu tư và đang xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3 (Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ) với công suất thiết kế 120 tấn nguyên liệu/ngày. Tính đến ngày 31/12/2025 nhà máy đã xây dựng đạt gần 50% khối lượng công trình và dự kiến hoàn thành trong quý IV/2026 sẽ giúp Công ty tăng năng lực xuất khẩu đáng kể trước nhu cầu lương thực thực phẩm trên thế giới liên tục biến động tăng hàng ngày.



Nhà máy chế biến thủy sản số 01 với công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày



Nhà máy chế biến thủy sản số 02 với công suất 150 tấn nguyên liệu/ngày



Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm



Nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (Nhà máy số 03) đang xây dựng

4.1.4. Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá - dầu cá.

Nhà máy bột cá - dầu cá của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco) là một Công ty con của Công ty I.D.I với tỷ lệ góp vốn gần 80%. Nhà máy này sử dụng nguồn phụ phẩm của các nhà máy chế biến thủy sản I.D.I để làm nguồn nguyên liệu đầu vào. Với quy trình và công nghệ hiện đại thì nhà máy bột cá – dầu cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Với việc Công ty I.D.I đầu tư xây dựng thêm Nhà máy chế biến thủy sản số 03 thì Nhà máy bột cá – dầu cá cũng cần phải đầu tư mở rộng, nâng công suất hoạt động để có thể tiếp nhận tối đa nguồn nguyên liệu đầu vào từ các Nhà máy của I.D.I.

4.1.5. Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản.

Hiện tại, Công ty I.D.I và các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống đang sử dụng gần 200 tỷ đồng mỗi năm cho việc thanh toán bao bì. Để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của I.D.I, việc xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản là rất cần thiết. Với quỹ đất sẵn có trong khuôn viên Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Công ty đang dần hoàn thiện kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản, khi dự án này hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào nền kinh tế thế giới.

Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo ra sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất.



Hệ thống điện năng lượng mặt trời trên nóc nhà máy thủy sản I.D.I

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

Tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tạo công ăn việc làm, giúp cải thiện đời sống cho hàng ngàn CB-CNV ở địa phương hoạt động và các vùng lân cận. Góp phần tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước, phát triển xã hội và làm suy giảm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục hỗ trợ và chung tay giúp đỡ cùng với các quỹ hỗ trợ người nghèo, người neo đơn và những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung.

Tiếp tục tham gia các Hội nghị thảo luận về bảo vệ môi trường và thường xuyên tuyên truyền về việc vệ sinh máy móc thiết bị, sửa chữa và thay mới các thiết bị hư hỏng, quá hạn sản xuất để giảm thiểu tối đa nguồn khí thải ra môi trường nếu có.

5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.1. Về môi trường nước và chất lượng cá giống.

Hiện nay chất lượng cá tra giống rất thấp, sức đề kháng yếu nên cá dễ bị mắc nhiều bệnh dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn, trung bình khoảng 40-50%. Bên cạnh đó, chất lượng môi trường nước cũng rất xấu do dư lượng thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều trong nước cũng khiến cho một số ao nuôi cá biệt có tỷ lệ hao hụt lên đến 60-70%. Ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đến kế hoạch sản xuất của Công ty cũng như đa số các nhà máy chế biến cá tra khác.

5.2. Về thị trường tiêu thụ.

Trung Quốc với lợi thế tiếp giáp nhiều tuyến biên giới Việt Nam và có ưu thế về số lượng dân sinh đông nhất thế giới, cũng như nhu cầu thức ăn về các sản phẩm từ cá tra vô cùng lớn nên hiện tại họ là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, những năm gần đây thị trường Trung Quốc tiếp tục gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh gay gắt, rất nhạy cảm về giá và có biên lợi nhuận thấp. Do đó, I.D.I đã và đang trong quá trình cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, tích cực phát triển các thị trường mới, giảm bớt phụ thuộc vào Trung Quốc...

5.3. Về thiên tai và tác động của con người.

Biến đổi khí hậu tiếp tục là rủi ro nền tảng, những năm gần đây các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng kéo dài, hạn hán làm gia tăng xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long, ảnh hưởng trực tiếp đến vùng nuôi cá tra nguyên liệu. Bên cạnh đó, việc khai thác tài nguyên nước chưa bền vững và sự thay đổi dòng chảy từ các công trình thượng nguồn sông Mekong làm giảm tính ổn định của hệ sinh thái nuôi. Các yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến sản lượng mà còn tác động đến tính đồng đều và chất lượng nguyên liệu đầu vào. Đồng thời, áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững ngày càng cao buộc doanh nghiệp phải gia tăng đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động trong ngắn hạn.

5.4. Về chính trị.

Diễn biến địa chính trị toàn cầu trong năm 2025 tiếp tục phức tạp, với xung đột khu vực và xu hướng phân hóa thương mại giữa các nền kinh tế lớn, làm gia tăng mức độ bất định của thị trường xuất khẩu. Nhu cầu tiêu thụ tại một số thị trường chủ lực có dấu hiệu biến động, trong khi các rào cản thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu truy xuất nguồn gốc ngày càng được siết chặt. Biến động tỷ giá, chi phí tài chính và logistics duy trì ở mức cao tiếp tục gây áp lực lên giá thành và biên lợi nhuận. Đồng thời, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng và vận chuyển quốc tế vẫn hiện hữu trước các yếu tố an ninh và chính sách thương mại thay đổi nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp cần chủ động điều chỉnh chiến lược thị trường, nâng cao năng lực tuân thủ và tăng cường quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025.**1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.****1.1. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2025.**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/ giảm	Tỉ lệ (%)	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.142	6.949	(193,0)	-2,70%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	5,3	4,3	(1,0)	-18,87%	0,07%	0,06%	-0,01%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.137	6.945	(192,0)	-2,69%	99,93%	99,94%	0,01%
4. Giá vốn hàng bán	6.578	6.356	(222,0)	-3,37%	92,10%	91,47%	-0,64%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	559	589	30,0	5,37%	7,83%	8,48%	0,65%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	179	178	(1,0)	-0,56%	2,51%	2,56%	0,06%
7. Chi phí tài chính	360	335	(25,0)	-6,94%	5,04%	4,82%	-0,22%
Trong đó: Chi phí lãi vay	309	294	(15,0)	-4,85%	4,33%	4,23%	-0,10%
8. Chi phí bán hàng	189	170	(19,0)	-10,05%	2,65%	2,45%	-0,20%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	82	92	10,0	12,20%	1,15%	1,32%	0,18%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	107	170	63,5	59,62%	1,49%	2,45%	0,96%
11. Thu nhập khác	11,5	11	(0,5)	-4,35%	0,16%	0,16%	0,00%
12. Chi phí khác	9,8	8,1	(1,7)	-17,35%	0,14%	0,12%	-0,02%
13. Lợi nhuận khác	1,7	3	1,3	-76,47%	0,02%	0,04%	0,02%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108,2	173	64,8	59,89%	1,51%	2,49%	0,97%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35	30	(5,0)	-14,29%	0,49%	0,43%	-0,06%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	0,1	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72,7	143	70,3	96,70%	1,02%	2,06%	1,04%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	248	469	221,0	89,11%	3,47%	6,75%	3,28%

Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tổng doanh thu năm 2025 đạt 6.949 tỷ đồng, giảm 193 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng với tỉ lệ giảm 2,7%. Tỷ lệ giảm này chủ yếu đến từ công ty con của I.D.I là Trisedco chủ động thu hẹp quy mô thương mại đối với các thị trường có biên lợi nhuận thấp hoặc rủi ro cao.

Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp: Năm 2025 giá cá tra có xu hướng biến động giảm từ mức 31.500 đ/kg đầu năm xuống 29.850 đ/kg trong các tháng 9,10,11/2025, đến tháng 12/2025 giá cá ngoài thị trường quay trở lại mức 30.937 đ/kg. Công ty đã chủ động xây dựng giá nuôi liên kết từ trước với giá 24.400 – 26.553 đ/kg thấp hơn năm 2024 gần 2.000 đ/kg nên giá vốn hàng bán giảm 222 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 3,37% so với năm 2024.

Về doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 0,56% so với năm 2024, thể hiện công ty vẫn đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về chi phí tài chính: Chi phí tài chính giảm 25 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ 6,94% so với năm 2024. Nguyên nhân là công ty đã chủ động tìm kiếm được các nguồn tài chính có mức lãi suất thấp, ưu đãi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Về chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng giảm 19 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 10% so với năm 2024. Nguyên nhân là chi phí vận chuyển năm 2025 giảm nhẹ so với năm 2024.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 10 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ 12,2% so với năm 2024. Nguyên nhân là công ty tuyển thêm nhiều cán bộ, kỹ sư để giám sát các dự án trọng điểm đang đầu tư xây dựng như nhà máy số 03, trung tâm giống công nghệ cao. Đồng thời nâng thêm bậc lương, tăng thu nhập, tặng nhiều đồng phục miễn phí cho CB-CNV tạo điều kiện cho CB-CNV gắn bó lâu dài và phấn đấu nỗ lực trong công việc được giao.

Về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 63,5 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 59,6% so với năm 2024. Nguyên nhân là do cuối năm 2025 giá cá tra tăng cao đẩy giá hàng bán tăng nên công ty thu được phần tăng lợi nhuận như trên.

1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tăng giảm so với năm 2024		Tăng giảm so với kế hoạch năm 2025	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	7.136	8.055	6.945	-191	-2,68%	-1.110	-13,78%
Tổng lợi nhuận sau thuế	73	170	143	70	96,97%	-27	-15,88%

Thị trường xuất khẩu cá tra Việt Nam tiếp tục trải qua nhiều khó khăn, thách thức, cùng với đà tăng trưởng chậm. Những thay đổi của thị hiếu người tiêu dùng theo chiều hướng giảm, sự điều chỉnh của thị trường, sự biến động của các yếu tố địa chính trị, chiến tranh, cước vận tải, thuế,...vẫn là các rào cản chính trong năm 2025.

Công ty I.D.I cũng không nằm ngoài vòng xoáy khó khăn trên khi nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, tuy nhiên kết quả lợi nhuận sau thuế đạt được 143 tỷ đồng, tăng 96,97% so với năm 2024 thể hiện nỗ lực không ngừng nghỉ của cả một tập thể đoàn kết từ ban lãnh đạo đến từng cán bộ CNV.

1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh.**1.3.1. Cơ cấu doanh thu trong năm.**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2024		Năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.775	38,85%	3.215	46,27%
2	Doanh thu bột cá, mỡ cá	2.896	40,54%	2.492	35,86%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.418	19,85%	1.186	17,07%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	53,6	0,75%	52	0,75%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	0,2	0,00%	4,0	0,06%
Tổng Cộng		7.143	100%	6.949	100%

1.3.2. Cơ cấu chi phí giá vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.511	39,51%	2.872	45,19%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	2.809	44,19%	2.389	37,59%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.206	18,97%	1.043	16,41%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51	0,80%	50	0,79%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	0,1	0,00%	2,00	0,03%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-0,3	0,00%	0,0	0,00%
Tổng Cộng		6.577	100%	6.356	100%

2. Tổ chức và nhân sự.**2.1. Danh sách Ban Điều hành.****Ông Lê Văn Cảnh – Tổng Giám đốc**

- Ông Lê Văn Cảnh sinh năm 1975 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông từng công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2010-2023, Ông làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Từ tháng 05 năm 2023 đến nay, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 13.282 cổ phần, chiếm 0,005% vốn Điều lệ.



Bà Võ Thị Minh Tâm – Phó Tổng Giám Đốc

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh năm 1966 tại Long Xuyên, An Giang. Bà từng công tác tại Công ty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ, Công ty vận chuyển Transimex TP.HCM. Từ năm 2016 đến nay, Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh năm 1988 tại Thọ Xuân, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Quản trị kinh doanh Trường California State University, Ông làm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty I.D.I từ năm 2012. Từ năm 2015 đến nay, Ông làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 12.000.000 cổ phần, chiếm 5,27% vốn Điều lệ.



Ông Lê Thế Tùng – Phó Tổng Giám Đốc

- Ông Lê Thế Tùng sinh năm 1996 tại Long Xuyên, An Giang. Sau khi tốt nghiệp trường Boston University năm 2017, Ông công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đến hết năm 2019. Từ năm 2020, Ông làm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty I.D.I. Từ năm 2022 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính

- Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Lập Vò, Đồng Tháp. Trước khi làm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Ông từng làm tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, Công Ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Nguyễn Đức Phương – Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Đức Phương sinh năm 1994 tại Chợ Mới-An Giang. Sau khi tốt nghiệp cử nhân kế toán, Ông làm kế toán tổng hợp cho Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á từ năm 2016-2020. Từ tháng 09/2020 đến nay, Ông làm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2025.

- Không có

2.3. Nguồn nhân lực.

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân Công ty I.D.I cuối năm 2025 là 2.650 người, trong đó số lượng cán bộ, nhân viên là 312 người, còn lại là lực lượng lao động trong các nhà máy, phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

3. Tình hình thực hiện đầu tư và thực hiện các dự án.**3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2025.****3.1.1. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Hoa Kỳ (Nhà máy số 03)**

- Địa điểm xây dựng: Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;
- Thời gian hoàn thành: Dự kiến trong Quý IV/2026.
- Công suất thiết kế: 120 tấn nguyên liệu/ngày
- Tổng vốn đầu tư: 600.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Đầu tư bằng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh

3.1.2. Đầu tư xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sao Mai.

- Địa điểm đầu tư: Thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;
- Hình thức đầu tư: Nhận chuyển nhượng và nâng cấp cơ sở.
- Thời gian hoàn thành: Dự kiến trong Quý I/2027.
- Tổng vốn đầu tư: 400.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Đầu tư bằng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh;

3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con.**3.2.1. Công ty mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ: 4.701.941.830.000 đồng.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	22.856	23.477	621	2,72%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.013	11.317	-696	-5,79%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	339	259	-80	-24%
4	Lợi nhuận khác	-22	-54	-32	145%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	317	204	-113	-35,65%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	251	137	-114	-45,42%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	517	100	-417	-80,66%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2025)

3.2.2. Công ty con**a. Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco).**

- Vốn điều lệ: 629.351.040.000 đồng.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.521	1.532	11	0,72%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.939	2.534	-405	-13,78%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66	82	16,0	24,24%
4	Lợi nhuận khác	-0,02	-0,5	-0,48	2400%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66	82	16,00	24,24%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	59	72	13,20	22,45%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	898	1.038	140	15,59%

(Nguồn: theo BCTC đã soát xét năm 2025)

b. Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông.

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị tài sản	70,40	72,90	2,50	3,55%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-0,04	-0,06	-0,02	50,00%
4	Lợi nhuận khác				
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-0,04	-0,06	-0,02	50,00%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-0,04	-0,06	-0,02	50,00%

(Nguồn: theo BCTC năm 2025)

4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I.**4.1. Tình hình tài chính năm 2025.**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	9.377	9.645	268	2,86%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.137	6.949	-188	-2,63%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	106	170	64	60,38%
4	Lợi nhuận khác	1,7	3,0	3,3	194,12%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108	173	65	60,19%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73	143	70	95,89%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	248	469	221	89,11%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2025)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản.	1,53	1,49
+ Hệ số thanh toán ngắn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,27	1,19
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	0,63	0,64
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	5,11	5,16
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,76	0,74
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	0,01	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**5.1. Cổ phần.**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 273.172.668 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được chuyển nhượng tự do.

5.2. Cơ cấu cổ đông.**5.2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty I.D.I theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 23/03/2026 theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh gửi Công ty:

STT	Tên cổ đông	ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai - Đại diện pháp luật: Ông Lê Tuấn Anh	1600169024	326. Hùng Vương , TP.Long Xuyên, An Giang	139.934.916	51,23%
2	Nguyễn Thanh Hải	038088031329	72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang	14.400.000	5,27%
Tổng cộng				154.334.916	56,50%

5.2.2. Cơ cấu cổ đông

Chi tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	273.172.668	100%
+ Cổ đông lớn	154.334.916	56,50%
+ Cổ đông nhỏ	118.837.752	43,50%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	273.172.668	100%
+ Cổ đông tổ chức	142.232.036	52,07%
+ Cổ đông cá nhân	130.940.632	47,93%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	273.172.668	100%
+ Cổ đông trong nước	271.371.213	99,34%
+ Cổ đông nước ngoài	1.801.455	0,66%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	273.172.668	100%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt (HDQT, Ban Giám đốc, BKS....)	14.413.282	5,28%
+ Cổ đông khác	258.759.386	94,72%

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 23/03/2026)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- **Đăng ký lần đầu:** Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- **Thay đổi lần 1:** Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- **Thay đổi lần 2:** Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- **Thay đổi lần 3:** Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2018 ngày 27/04/2018.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng từ 1.979.534.200.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng, tăng thêm 296.911.880.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 29.691.188 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2019 ngày 25/04/2019.
- **Tăng vốn lần 11:** Tăng từ 2.276.446.080.000 đồng lên 2.731.726.680.000 đồng, tăng thêm 455.280.600.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 45.528.060 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2024.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2025 của Công ty I.D.I là 78.997 tấn cá nguyên liệu.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty trong năm 2025 là: 31.964.343 kWh điện lưới quốc gia và 1.200.000 KWh điện năng lượng mặt trời.

- Năm 2025, Công ty sử dụng 56.906 lít dầu DO.

- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:

+ Quản lý vận hành thiết bị điện năng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí.

+ Thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng như bóng đèn LED, gắn pin năng lượng mặt trời hấp thụ nhiệt năng ban ngày để chiếu sáng các bóng đèn bên trong và ngoài Công ty về ban đêm.

+ Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1,06 MWh.

6.4. Tiêu thụ nước.

- Năm 2025, Công ty sử dụng khoảng 505.090 m³ nước sạch.

- Công ty không tái chế lượng nước đã sử dụng để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường: Không có

- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

Có thể khẳng định thành tựu mà I.D.I đã và đang có được trong nhiều năm qua đều được tạo nên từ một trong những tài sản quý giá nhất của Công ty đó chính là nguồn nhân lực. Tại I.D.I các cán, bộ nhân viên và người lao động được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, công bằng, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động gắn bó, chia sẻ và cống hiến cho tập thể chung cùng phát triển.

Tính đến ngày 31/12/2025, I.D.I có khoảng 2.650 cán bộ, nhân viên và người lao động. Đội ngũ nhân sự ngày càng chất lượng và trình độ chuyên môn cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã đạt được các tiêu chuẩn quốc tế có yêu cầu cao về chính sách cho người lao động như BSCI, BAP, ASC... Đây là yếu tố tiên quyết để sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, EU... những nơi có tiêu chuẩn rất cao về chính sách cho người lao động.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	2.650	100,00%
1	Đại học và Trên Đại học	183	6,91%
2	Cao Đẳng	72	2,72%
3	Trung cấp	57	2,15%
4	Khác	2.338	88,23%
B	Theo giới tính	2.650	100,00%
1	Nam	1.150	43,40%
2	Nữ	1.500	56,60%

BẢNG THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)			
- Cán bộ, nhân viên	13.200.000	13.300.000	13.500.000
- Công nhân nhà máy	7.700.000	8.000.000	9.000.000

- Các chính sách, phúc lợi:

+ Chính sách việc làm và bảo hiểm: Công ty luôn đảm bảo việc làm cho người lao động, 100% người lao động làm việc tại Công ty được ký hợp đồng lao động và thực hiện đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động theo quy định của Luật Lao động.

+ Thu nhập và chế độ đãi ngộ: Thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và từng bước cải thiện phù hợp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài tiền lương, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng năng suất và lương tháng 13. Chính sách đãi ngộ được xây dựng công bằng, cạnh tranh, góp phần tạo động lực làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

+ Chế độ phụ cấp và hỗ trợ: Người lao động được hỗ trợ chi phí đi lại như phụ cấp xăng xe, tiền trợ đói với trường hợp ở xa và hỗ trợ chi phí phà, đò khi có nhu cầu. Bên cạnh đó, Công ty cung cấp suất ăn giữa ca đảm bảo dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Các chính sách hỗ trợ được triển khai linh hoạt, góp phần ổn định đời sống và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động.

+ Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người lao động: Công ty luôn chú trọng bảo vệ sức khỏe người lao động thông qua việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được đào tạo an toàn trước khi làm việc, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp, đặc biệt trong môi trường làm việc lạnh và ẩm. Đồng thời, bố trí bộ phận y tế, trang bị sơ cấp cứu và hỗ trợ kịp thời khi phát sinh sự cố. Chế độ dinh dưỡng giữa ca cũng được đảm bảo nhằm nâng cao sức khỏe và hiệu quả làm việc.

+ Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: Tổ chức thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ; tổ chức tham quan du lịch, hoạt động tập thể; tặng quà các dịp Lễ, Tết, đặc biệt cho lao động động nữ nhân dịp ngày 08/3 và 20/10.

+ Khen thưởng: Công ty thực hiện chính sách khen thưởng nhằm ghi nhận và khuyến khích người lao động có thành tích tốt. Hàng năm, hàng quý Công ty tổ chức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng thời, áp dụng khen thưởng đột xuất cho các sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Chính sách được triển khai kịp thời, công bằng, góp phần tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

+ Đào tạo và phát triển: Công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao tay nghề và năng lực làm việc của người lao động. Người lao động được đào tạo hội nhập, đào tạo chuyên môn, kỹ năng và an toàn lao động trước và trong quá trình làm việc. Công ty triển khai đa dạng hình thức đào tạo như đào tạo nội bộ, kèm cặp tại chỗ và cử tham gia các khóa đào tạo bên ngoài. Chính sách đào tạo được gắn với lộ trình phát triển nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2025, Công ty tham gia hỗ trợ một số chương trình an sinh xã hội như sau:

- Ủng hộ chương trình “Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo tỉnh Đồng Tháp” nhân dịp Tết nguyên Đán năm 2025 do Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ trẻ em tỉnh Đồng Tháp phát động.

- Ủng hộ thẻ BHYT theo chương trình “Không ai bị bỏ lại phía sau” do BHXH cơ sở Lai Vung phát động.

- Ủng hộ hoạt động thả cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản liên tỉnh An Giang – Cần Thơ và Đồng Tháp năm 2025 do UBND tỉnh An Giang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

Năm 2025, Công ty không có huy động mới liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

Tổng số lượng hàng xuất bán (Tấn)	Tỷ lệ các sản phẩm bán ra trên khối lượng (gross)	Tổng doanh thu Xuất khẩu (USD)	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch 2025 về doanh thu
48.933	* Fillets: 85 % * Sản phẩm khác từ cá tra: 15%	105.770.511	88%

Trước diễn biến tiếp diễn các cuộc chiến tranh thương mại và bất ổn địa chính trị, gây nhiều cú sốc cho nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, chi phí xuất nhập khẩu tăng cao do thuế đối ứng, chỉ số lạm phát vẫn còn cao,...nhưng xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2025 đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn. Tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2025 đạt gần 2,2 tỷ USD, tăng 8% so với năm 2024. Các thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất vẫn là Trung Quốc đạt 560 triệu USD (tăng 2% so với năm 2024); Brazil đạt 176 triệu USD, tăng mạnh 36% so với năm 2024; Khối thị trường các quốc gia CPTPP trong năm 2025 đã tăng 34%, đạt 367 triệu USD, các thị trường đóng góp nhiều nhất là Mexico với 77 triệu USD, Anh 60 triệu USD và Columbia với 56 triệu USD.

Doanh thu xuất khẩu năm 2025 của Công ty I.D.I đạt hơn 105,7 triệu USD, tăng 3,7% so với năm 2024. Sự tăng trưởng doanh thu xuất khẩu của Công ty I.D.I chủ yếu đến từ việc luôn giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống như Trung Quốc, Mexico, Braxin, Anh, Ấn Độ, Ustralia ... giúp ổn định hoạt động SXKD đồng thời tích cực thúc đẩy xuất khẩu các thị trường tiềm năng như: thị trường Trung Quốc – Hồng Kông tăng 8% chiếm vị trí số 1 về tốc độ tăng trưởng, xếp vị trí số 2 là thị trường Canada với tốc độ tăng trưởng 6,5%, tiếp theo là thị trường Mỹ tăng trưởng xuất khẩu hơn 2% so với năm 2024.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

1.2.1. Nguyên vật liệu.

Công ty đang xây dựng trung tâm giống thủy sản công nghệ cao, từ đây sẽ chọn lọc và cho ra những con giống có sức đề kháng và chất lượng tốt nhất để cung cấp cho các vùng nuôi liên kết rộng lớn của Công ty với các hộ nông dân nuôi cá, giúp cho Công ty ổn định hoạt động sản xuất của 2 nhà máy hiện tại và nhà máy số 03 sắp hoàn thành. Đồng thời, bắt đầu kiểm soát được chi phí chăn nuôi với hệ số thức ăn tốt nhất, giảm giá thành cá nguyên liệu đầu vào và tăng cao sức cạnh tranh cho Công ty vào các thị trường chủ lực và tiềm năng.

1.2.2. Trình độ công nghệ.

Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một Cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

1.2.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Đặc biệt, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001-2018, IFS, BRC, ASC, BAP, BSCI, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025. . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắt khe nhất của thị trường thế giới.

1.2.4. Hoạt động Marketing.

- Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế. Tham gia các kỳ xúc tiến Thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức với các điều kiện an toàn cho phép như:

- + Tháng 3 (16-18/03/2025): Hội chợ Boston tại Mỹ
- + Tháng 5 (9-12/05/2025): hội chợ cá ở Vũ Hán
- + Tháng 5 (26-8/05/2025): Hội chợ Thủy sản Toàn Cầu Barcelona tại Tây Ban Nha
- + Tháng 5 (27-31/05/2025): Hội chợ ThaiFex tại Thái Lan
- + Tháng 10 (21-23/10/2025): Hội chợ seafood ở Brazil
- + Tháng 10 (29-31/10/2025): Hội chợ Thanh Đảo tại Trung Quốc.

- Thường xuyên đăng tải các bài viết quảng cáo về các sản phẩm của Công ty trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản.





2. Tình hình tài chính.

2.1. Phân tích tình hình tài sản.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng tài sản	8.084	8.277	9.377	9.645
Doanh thu thuần	7.931	7.221	7.137	6.945
Lợi nhuận trước thuế	618	107	108	173

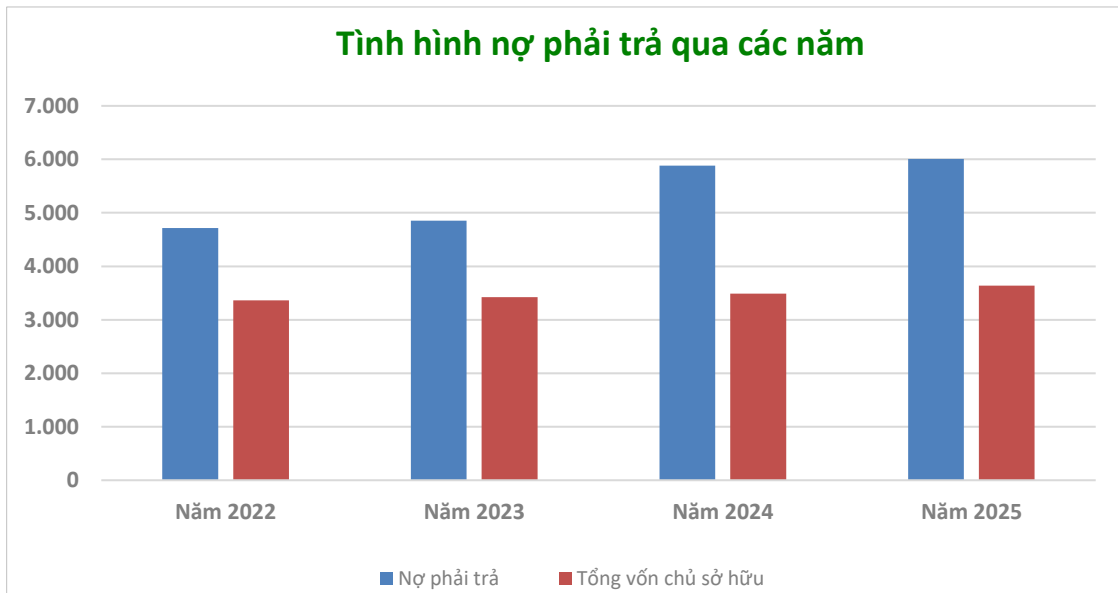
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Hiệu quả sử dụng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</i>)	98,10%	87,24%	76,11%	72,01%
Tỉ suất sinh lời tài sản (<i>Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản</i>)	7,64%	1,29%	1,15%	1,79%

Từ bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản qua các năm, ta thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản của Công ty trung bình luôn đạt trên 70% doanh thu thuần, cho thấy Công ty luôn sử dụng từng đồng tài sản đạt hiệu quả tốt và luôn có trách nhiệm cao với từng đồng tài sản bỏ ra.

2.2. Tình hình nợ phải trả.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Nợ phải trả	4.718	4.856	5.885	6.007
Tổng vốn chủ sở hữu	3.366	3.422	3.492	3.638
Tổng cộng nguồn vốn	8.084	8.278	9.377	9.645



Nợ phải trả năm 2025 của Công ty tăng 122 tỷ đồng, tương ứng li lệ tăng 2% so với năm 2024, chủ yếu là đến từ việc Công ty mở rộng thêm vùng nuôi và chủ động thu mua cá nguyên liệu ngoài thị trường khi thị trường bắt đầu xuất hiện tình trạng khan hiếm vào cuối năm 2025 đẩy giá cá nguyên liệu và giá cá giống tăng cao.

3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026 (Riêng Công ty mẹ).

- Mục tiêu, định hướng kinh doanh.

+ Giữ vững khách hàng và thị phần, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng, phát triển thị trường Mỹ, tích cực phát triển thị trường mới.

+ Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của Công ty đạt mức khoảng 137,8 triệu USD và đạt lợi nhuận sau thuế là khoảng 110 tỷ đồng.

+ Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.

+ Tiếp tục phân đầu nâng thứ hạng của Công ty I.D.I lên vị trí thứ 3 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

- Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2026:

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
Tổng	9.971	21.426	3.693	1.848	7.386	2.458	2.458	49.248

- Doanh thu xuất khẩu theo kế hoạch năm 2026:

Đơn vị tính : USD

Sản phẩm	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
Tổng	27.918.800	59.992.800	10.340.400	5.174.400	20.680.800	6.882.400	6.882.400	137.872.000

- Kế hoạch sản xuất năm 2026:

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
Tổng	10.001	21.490	3.705	1.852	7.409	2.469	2.469	49.395

- Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Đơn vị tính: Tấn

Chỉ tiêu	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
Tổng	61.003	32.848	93.851

- Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ (tỉ lệ 80% nuôi liên kết) trong năm 2026.

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
Tổng	27.400	90.476	117.876

- Dự kiến giá bán thức ăn tiêu thụ trong năm 2026.

STT	Loại thức ăn	Đồng/kg
1	Thức ăn 3 ly 28% đạm	12.300
2	Thức ăn 5 ly 26% đạm	11.800

- Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn trong năm 2026:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Sản phẩm	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
Tổng	337	1.068	1.405

- Dự báo kết quả kinh doanh năm 2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	BCTC 2025 Hợp nhất	Kế hoạch 2026		
		IDI	Trisedco	Hợp nhất kế hoạch 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.949	5.031	3.150	8.181
2. Giá vốn hàng bán	6.356	4.590	3.024	7.614
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	589	441	126	567
4. Doanh thu hoạt động tài chính	178	160	62	222
5. Chi phí tài chính	335	275	70	345
6. Chi phí bán hàng	170	160	40	200
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	92	44	10	54
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	170	122	68	190
9. Thu nhập khác	11	15	3	18
10. Chi phí khác	8	7	0	7
11. Lợi nhuận khác	3	9	3	11
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	20	1	21
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	143	110	70	180

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

4.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải.

- Công ty có 01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế 3.000m³/ngày.đêm, quy trình xử lý và quy mô công suất không thay đổi so với trước đây. Hiện tại hệ thống xử lý nước thải Công ty I.D.I đang tiếp nhận và xử lý nước thải từ 04 Nhà máy trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống với lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày .

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2025 là 505.090 m³/năm (Bình quân khoảng 1.760 m³/ngày đêm). Và năm gần nhất 2024 là 426.700 m³/năm (Bình quân khoảng 1.670 m³/ngày đêm).

- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Hiện tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang được vận hành liên tục và hoạt động ổn định đáp ứng tốt việc xử lý nước thải phát sinh từ 4 Nhà máy sản xuất nêu trên.

Căn cứ vào kết quả quan trắc phân tích mẫu nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột A.

4.1.2. Kết quả quan trắc nước thải.

Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ).

- Đối với nước thải sau xử lý của Công ty kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc trong năm 2025 các thông số đều đạt theo QCVN11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

4.1.3. Quan trắc nước thải liên tục, tự động: Công ty đã triển khai lắp đặt hoàn thành trong năm 2025 và đang được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn kết nối truyền dữ liệu quan trắc.

4.2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải.

4.2.1. Xử lý khí thải.

Công ty không có công trình phát sinh khí thải ra môi trường.

4.2.2. Kết quả quan trắc khí thải.

4.2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ.

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 14/3/2025; 13/6/2025; 08/9/2025 và 26/11/2025.

- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có.

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Chất lượng không khí tại các khu vực của Công ty qua kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc năm 2025 cho thấy các thông số đều đạt theo QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình trong 1 giờ) và QCVN 26:2025/BTNMT.

4.2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không có.

4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

4.3.1 Chất thải rắn sinh hoạt (Rác thải):

Công ty đã ký hợp đồng thu gom và xử lý rác thải đối với Công ty TNHH DV Công Ích Sài Gòn Xanh.

4.3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

(Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa): Công ty ký hợp đồng mua bán với các đối tác như:

- Công ty CP Xuất khẩu Thủy hải sản Sạch
- Hộ kinh doanh Điềm thu mua phế liệu Mai (địa chỉ : số 27 Trần Văn Thạnh, P.Long Xuyên, An Giang)

4.4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

(i) Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a) Thông kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): Không có.

b) Thông kê các CTNH được tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Không có.

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

+ Trong hoạt động sản xuất của các nhà máy phát sinh chất thải nguy hại, công ty cho thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại của công ty.

+ Trong kỳ tới công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo qui định. Định kỳ 06 tháng/ lần thu gom về xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Kết quả quan trắc bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại loại 1 sao (nếu có): Không có.

4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Với loại hình sản xuất chế biến thủy sản thì sự cố môi trường chủ yếu là ở hệ thống xử lý nước thải tập trung, bể chứa bằng bê tông cốt thép đồ kiên cố. Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Thường xuyên vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu. Nhân viên vận hành được huấn luyện về vận hành và bảo dưỡng hệ thống.

+ Tất cả máy móc thiết bị đều có thiết kế dự phòng (01 máy chạy, 01 máy dự phòng và hoạt động luân phiên) đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của trạm xử lý nước thải.

+ Bố trí nguồn điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung; bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành thường xuyên và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống xử lý nước thải có bố trí 4 bể điều hòa với dung tích chứa 1.840 m³ nhằm mục đích ổn định lưu lượng và nồng độ có trong nước thải. Ngoài ra, hệ thống xử lý nước thải là được

thiết kế với lưu lượng cao nhất và hệ số không điều hòa với $K=1,2$, sẽ không để sự cố môi trường xảy ra trong thời gian hoạt động.

- Trong suốt thời gian qua cho đến nay chưa xảy ra sự cố môi trường nào trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty IDI.

4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.

- **Tình hình vùng nuôi:** Đã thực hiện tốt công tác giám sát chặt chẽ việc giao nhận thức ăn cho cá tra đúng và đủ khối lượng nhu cầu sử dụng, theo dõi tình hình phát triển của cá tra nguyên liệu. Đảm bảo cung cấp đạt từ 60% => 80% nhu cầu sản xuất của Công ty.

- **Tình hình thu mua nguyên liệu:** Trong cơ cấu tổng sản lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất, nguồn cá nuôi gia công chiếm tỷ trọng chủ đạo khoảng 60–80%, trong đó phần lớn sản lượng đã được chốt giá theo hợp đồng từ trước, do đó ít chịu tác động của biến động thị trường. Phần còn lại khoảng 20–40% là nguồn cá thu mua ngoài, được Công ty chủ động cập nhật giá hàng ngày để linh hoạt thu mua với mức giá hợp lý, qua đó vừa đảm bảo đủ nguyên liệu phục vụ các đơn hàng xuất khẩu, vừa tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng định hướng phát triển các sản phẩm chiến lược.

- **Tình hình phát triển thị trường:** Luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng để duy trì khách hàng cũ, khách hàng tiềm năng, đồng thời vẫn tìm kiếm thị trường mới nên các sản phẩm của Công ty vẫn đi đến 49 quốc gia trên thế giới trong năm 2025.

- **Về tác động môi trường:** Công ty có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau như luôn đảm bảo xử lý nước thải theo đúng quy định, thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường trong và ngoài nhà máy sản xuất, thuê công ty thu gom xử lý rác thải thường xuyên vào Công ty xử lý rác thải, tích cực trồng thêm nhiều cây xanh dọc đường đi, xung quanh nhà các nhà máy, trụ sở làm việc và khuôn viên... Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt được 1,06MW năng lượng điện mặt trời áp mái, gắn trên mái các nhà máy, kho xưởng, tòa nhà văn phòng, giúp thay thế một phần sử dụng điện lưới quốc gia.

- **Về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Mục tiêu và phương hướng hoạt động của Công ty là phát triển bền vững, đồng thời thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn quan tâm đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Công ty cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa và đặc biệt là tinh thần “tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách” được thực hiện ngay trong nội bộ I.D.I, những hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong Công ty đều được tất cả các CB-CNV hỗ trợ, giúp đỡ.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, nhanh chóng và kịp thời để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao, cụ thể:

- **Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:** Đã thực hiện đạt 88% kế hoạch về doanh thu xuất khẩu năm 2025 đề ra. Trước tình hình kinh tế Thế giới và nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, thách thức thì đây là kết quả đáng được ghi nhận, vì nó thể hiện tinh thần đoàn kết và nỗ lực phấn đấu không ngừng nghỉ của tập thể gần 2.700 CB-CNV Công ty I.D.I cùng với các quyết sách điều hành đúng đắn và phù hợp của Ban lãnh đạo để Công ty luôn ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả!

- **Về công tác nhân sự:** Luôn đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trước, trong và sau khi giãn cách xã hội. Luôn gắn kết tập thể, đồng thời tạo môi trường quản lý tốt, hiệu quả, giúp CB-CNV đều có thể phát huy các sáng kiến, sáng tạo trong công việc.

- **Về đảm bảo nguồn tài chính:** Ban Tổng Giám đốc đã cân đối tốt nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để đáp ứng sản xuất và duy trì trả nợ đúng hạn các nguồn vốn vay nên Công ty luôn đạt tín nhiệm cao trên danh sách theo dõi của các tổ chức tín dụng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.

1.1. Các thành viên Hội đồng quản trị.



Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Các chức danh tại Công ty khác: Phó CT.HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản Trisedco.
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



Ông Lê Tuấn Anh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- Các chức danh tại Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1994
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai sở hữu là: 116.612.431 cổ phần, chiếm 51,23% vốn Điều lệ.



Ông Lê Văn Cảnh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Các chức danh tại Công ty khác: Không có
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Số lượng cổ phần sở hữu: 13.282 cổ phần, chiếm 0,005% vốn Điều lệ.


	<p style="text-align: center;">Ông Tống Phi Hùng – Thành viên HĐQT độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh tại Công ty khác: Không có - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1958 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
	<p style="text-align: center;">Ông Lê Mạnh Huân – Thành viên HĐQT độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh tại Công ty khác: Giám đốc Công ty ĐTXD Tiến Việt - Giới tính: Nam - Năm sinh: 1973 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 36 cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh hàng quý trong năm 2025.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban Tổng Giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn và hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý mọi rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng.
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX).

2. Ban Kiểm soát.

2.1. Các thành viên Ban Kiểm soát.

	<p style="text-align: center;">Ông Từ Thiện Thoại – Trưởng ban Kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh tại Công ty khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO). - Giới tính: Nam; - Năm sinh: 1989; - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
---	--

	<p style="text-align: center;">Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Thành viên Ban kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh tại Công ty khác: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco). - Giới tính: Nữ; - Năm sinh: 1987; - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
	<p style="text-align: center;">Bà Đoàn Nguyễn Kim Phượng – Thành viên Ban kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh tại công ty khác: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai. - Giới tính: Nữ; - Năm sinh: 1984; - Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tiến hành tổng số 02 cuộc họp ban kiểm soát và tham dự 36 cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2025.

- Luôn giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Thực hiện đầy đủ chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty.

- Thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, lập báo cáo tài chính theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiến độ triển khai công tác sản xuất kinh doanh đạt được tại thời điểm kiểm tra.

- Kiểm tra công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty I.D.I.

3. Ban Kiểm toán nội bộ.

3.1. Các thành viên:

3.1.1. Bà Lê Thị Phượng – Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ

- Năm sinh : 1980

- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.

- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.1.2. Bà Ngô Thị Tố Ngân – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1981
- Địa chỉ thường trú : 80F1 Mai Hắc Đế, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.1.3. Ông Lê Hoàng Cương – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 44 Kênh 8, Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.

4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		Năm 2025
Thù lao Hội đồng quản trị		1.560.000.000
Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch	360.000.000
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch	300.000.000
Tống Phi Hùng	Thành viên	300.000.000
Lê Văn Cảnh	Thành viên	300.000.000
Lê Mạnh Huân	Thành viên	300.000.000
Thù lao ban kiểm soát		108.000.000
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000

Tiền lương ban Tổng giám đốc		2.419.744.728
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc	779.635.000
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	584.410.000
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	710.600.000
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	345.099.728

4.2. Các khoản lợi ích khác: Không có;

4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2025: Không có;

4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có;

4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:

- Trong năm 2025 Công ty cơ bản đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty theo nghị định 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017.

- Hội đồng quản trị đã xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động sản xuất, chính sách rủi ro, nguồn tài chính và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của Công ty.

- Giám sát hiệu quả các thực tiễn Quản trị Công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.

- Đưa ra mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị phù hợp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

- Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng quản trị.

- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

- Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin. Luôn cung cấp thông tin chính xác và kịp thời tới các cơ quan có liên quan và toàn thể cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025.

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 58



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23 tháng 09 năm 2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **2.731.726.680.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4659). Sản xuất điện (Mã 3511).

4. Cấu trúc Công ty**Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 692.283.410.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 79,25%

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đăk Nông

+ Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng

+ Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,50%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 97,50%

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông: Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch
Ông: Tống Phi Hùng	Thành viên
Ông: Lê Văn Cảnh	Thành viên
Ông: Lê Mạnh Huân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Võ Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Lê Thị Phương	Trưởng ban
Bà: Ngô Thị Tô Ngân	Thành viên
Ông: Lê Hoàng Cương	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Từ Thiện Thoại	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên
Bà: Đoàn Nguyễn Kim Phương	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Cảnh

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Đức Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thanh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 280 /BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tình hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Trần Thị Mỹ Ngọc
Trưởng Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2023-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2023-142-1



28 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 9944 - (028) 3820 9947 - Fax: (028) 3820 9942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.317.223.824.477	7.223.258.907.795
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	589.727.811.834	1.711.692.314.347
111	1. Tiền		259.571.623.669	733.035.314.347
112	2. Các khoản tương đương tiền		330.156.188.165	978.657.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	1.898.754.242.410	1.530.589.595.888
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.898.754.242.410	1.530.589.595.888
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.326.615.075.171	2.717.223.495.595
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03.1	1.553.352.612.755	1.721.418.706.443
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03.2	1.256.249.173.831	950.951.375.333
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.04	200.000.000.000	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	374.047.776.975	101.887.902.212
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(57.034.488.390)	(57.034.488.390)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	1.471.232.667.834	1.224.667.804.249
141	1. Hàng tồn kho		1.471.232.667.834	1.224.667.804.249
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.894.027.228	39.085.697.713
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13	2.564.151.603	2.783.255.167
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.329.875.625	36.302.442.546
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.327.700.473.382	2.154.121.101.296
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.919.603.585	3.242.979.835
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	1.919.603.585	3.242.979.835
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		874.991.202.978	813.705.885.605
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	713.827.804.783	592.312.391.546
222	- Nguyên giá		1.630.970.230.393	1.386.645.474.404
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(917.142.425.610)	(794.333.082.948)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	21.243.545.561	78.068.287.302
225	- Nguyên giá		41.217.712.409	127.581.557.215
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.974.166.848)	(49.513.269.913)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	139.919.852.634	143.325.206.757
228	- Nguyên giá		175.883.116.111	175.432.349.055
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(35.963.263.477)	(32.107.142.298)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	235.640.155.706	244.095.394.432
231	- Nguyên giá		323.234.235.576	323.234.235.576
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(87.594.079.870)	(79.138.841.144)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	733.525.769.782	585.886.940.807
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		733.525.769.782	585.886.940.807
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	245.517.581.111	248.827.581.111
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		245.517.581.111	245.517.581.111
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			3.310.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		236.106.160.220	258.362.319.506
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	19.262.977.647	8.158.647.309
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		216.843.182.573	250.203.672.197
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.644.924.297.859	9.377.380.009.091

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.006.893.608.964	5.885.146.928.116
310	I. Nợ ngắn hạn		4.915.322.269.255	4.734.278.435.590
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	309.414.263.890	206.744.965.778
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	48.210.812.247	135.853.818.947
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	38.822.407.211	35.708.638.380
314	4. Phải trả người lao động		26.886.669.301	19.310.776.635
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	18.617.810.701	19.400.802.767
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.20	35.708.319.006	29.232.760.133
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	4.416.378.139.269	4.268.828.358.699
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.21	2.085.533.379	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.198.314.251	19.198.314.251
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		1.091.571.339.709	1.150.868.492.526
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15	1.091.571.339.709	1.150.868.492.526
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.638.030.688.895	3.492.233.080.975
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	3.624.920.251.643	3.481.969.695.875
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.731.726.680.000	2.731.726.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.731.726.680.000	2.731.726.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		246.687.400.000	246.687.400.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		76.437.451.796	76.041.216.796
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		11.507.365.157	11.111.130.157
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.507.365.157	11.111.130.157
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		328.823.599.673	201.971.424.074
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		200.782.719.074	141.509.895.530
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		128.040.880.599	60.461.528.542
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		201.169.689.860	186.260.014.691
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.24	13.110.437.252	10.263.385.100
431	1. Nguồn kinh phí		13.110.437.252	10.263.385.100
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.644.924.297.859	9.377.380.009.091

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng




VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL01	6.949.409.680.202	7.142.101.147.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VL02	4.315.978.934	5.327.753.884
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.945.093.701.268	7.136.773.393.630
11	4. Giá vốn hàng bán	VL03	6.356.272.872.703	6.577.973.020.867
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		588.820.828.565	558.800.372.763
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL04	177.659.704.210	179.226.869.800
22	7. Chi phí tài chính	VL05	335.487.438.955	360.382.540.933
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		293.729.828.794	309.079.691.990
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
25	8. Chi phí bán hàng	VL06.01	169.762.809.613	188.796.031.578
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL06.02	91.578.051.260	82.361.733.191
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		169.652.232.947	106.486.936.931
31	11. Thu nhập khác	VL07	11.257.706.093	11.500.927.442
32	12. Chi phí khác	VL08	8.162.752.838	9.820.852.622
40	13. Lợi nhuận khác		3.094.953.255	1.680.074.815
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		172.747.186.202	108.167.011.246
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VL10	29.796.630.434	35.490.543.846
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		142.950.555.768	72.676.467.900
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		128.040.880.599	60.461.528.542
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		14.909.675.169	12.214.939.358
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL11	469	248
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VL12	469	248

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

VŨ THỊ LỆ

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

 LÊ VĂN CANH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		172.747.186.202	108.167.011.746
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		140.646.261.857	140.987.062.410
03	- Các khoản dự phòng		2.085.533.379	(117.730.845)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.800.765.376)	3.066.651.369
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(135.407.468.788)	(139.770.090.098)
06	- Chi phí lãi vay		293.729.828.794	309.079.691.970
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		466.000.576.068	421.412.596.554
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(335.204.885.743)	(534.027.128.105)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(246.564.863.585)	347.436.709.856
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37.201.540.008	5.966.195.899
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.072.067.301)	734.901.783
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(294.273.167.361)	(301.912.180.918)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(26.105.942.463)	(20.898.364.601)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			56.160.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(357.869.626)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(410.018.810.377)	(81.588.997.158)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(347.429.137.740)	(35.749.274.250)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.007.608.433	27.350.908
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.373.962.095.998)	(2.244.070.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.813.143.184.931	1.834.872.880.967
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		104.858.965.301	132.280.730.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(802.381.475.073)	(312.638.312.293)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		7.665.674.450.899	7.909.226.541.223
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(7.559.016.648.121)	(6.884.837.267.976)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(16.107.827.908)	(30.002.875.444)
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.472.900)	(423.874.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		90.536.501.970	993.962.522.963
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.121.863.783.480)	599.735.213.512
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.711.692.314.347	1.112.379.542.714
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(100.719.033)	(422.441.879)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		589.727.811.834	1.711.692.314.347

Người lập biểu

VŨ THỊ LỆ

Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

LÊ VĂN CẢNH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23 tháng 09 năm 2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **2.731.726.680.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2025 là: 2.251 người (số lao động tại ngày 31/12/2024 là: 2.122 người)

4. Ngành nghề kinh doanh

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4659). Sản xuất điện (Mã 3511).

5. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông	Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng.	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư và khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn năng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật. Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại. Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

9 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khối mức và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số hượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về tài khoản của công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

14 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng hàng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu vào phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

23. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

24. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 50, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.494.490.448	2.762.507.465
Tiền gửi không kỳ hạn	258.077.133.221	730.272.806.882
Các khoản tương đương tiền	330.156.188.165	978.657.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	330.156.188.165	978.657.000.000
Cộng	589.727.811.834	1.711.692.314.347

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cơ, ấp An Thạnh, Xã Lập Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh: Không có
- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngân hạn	1.898.754.242.410	1.898.754.242.410	1.530.589.595.888	1.530.589.595.888
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.898.754.242.410	1.898.754.242.410	1.530.589.595.888	1.530.589.595.888
b2) Dài hạn			3.310.000.000	3.310.000.000
- Trái phiếu			3.310.000.000	3.310.000.000
Cộng	1.898.754.242.410	1.898.754.242.410	1.533.899.595.888	1.533.899.595.888

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào đơn vị khác	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An (*)	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111
Cộng	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111	245.517.581.111

(*) Do công ty này chưa thực hiện năm yet cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

03.1. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Ngân hạn	1.553.352.612.755		1.721.418.706.443	
Bên khác	1.553.352.612.755		1.721.418.706.443	
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu			72.755.719.817	
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	367.287.922.357		389.553.796.985	
+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch	134.991.276.100			
+ Menita Comercial Oceanica Sa De RL De Cv	38.883.972.358		45.779.557.074	
+ Empire Industries Ltd	5.746.295.284		21.654.966.613	
+ Đối tượng khác	1.006.443.146.656		1.191.674.665.954	
Bên liên quan				
b) Dài hạn				
Cộng	1.553.352.612.755		1.721.418.706.443	
03.2. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN				
a) Ngân hạn	1.256.249.173.831		950.951.375.333	
Bên khác	1.256.249.173.831		950.868.010.333	
+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	445.600.816.392		70.493.885.724	
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	15.041.810.050		15.041.810.050	
+ Công ty TNHH MTV Kiểm định & Đầu tư toàn cầu			99.105.667.005	
+ Lê Đình Mạnh	25.439.536.348		24.671.156.908	
+ Lê Văn Thương	46.846.754.000		46.846.754.000	
+ Đối tượng khác	723.320.257.041		694.708.736.646	
Bên liên quan			83.365.000	
+ Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai			83.365.000	
b) Dài hạn				
Cộng	1.256.249.173.831		950.951.375.333	
04. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN				
Bên khác	200.000.000.000		200.000.000.000	
+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch			200.000.000.000	
Cộng	200.000.000.000		200.000.000.000	

Ghi chú:

Hợp đồng vay vốn số 02.2025HĐCVV/2025 ngày 10/12/2025, thời hạn cho vay 05 tháng, lãi suất 5%/năm.

05. PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngân hạn	374.047.776.975	(528.000.000)	101.887.902.212	(528.000.000)
Tạm ứng	60.518.900.331		59.800.978.272	
Ký cược, ký quỹ	3.830.700.000		3.830.700.000	
Phải thu khác	309.698.176.644	(528.000.000)	38.256.223.940	(528.000.000)
Bên khác	295.448.176.644	(528.000.000)	38.256.223.940	(528.000.000)
+ Công ty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	474.400.017		1.952.194.769	
+ Công Ty Cổ Phần Dầu Cá Châu Á	45.320.000.000			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

05. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
+ Công ty CP xuất khẩu Thủy Hải Sản Sạch	204.000.000.000			
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp - hoàn thuế	16.000.000.000		16.565.382.177	
+ Lãi tiền gửi dự thu	28.849.247.621		16.667.618.488	
+ Đối tượng khác	804.529.006	(528.000.000)	3.071.028.506	(528.000.000)
Bên liên quan	14.250.000.000			
+ Công Ty Cổ Phần Điện Máy Trời Europlast Long An	14.250.000.000			
b) Dài hạn	1.919.603.585		3.242.979.835	
Ký cược, ký quỹ	1.919.603.585		3.242.979.835	
Cộng	375.967.380.560	(528.000.000)	105.130.882.047	(528.000.000)

06. NỢ XẤU

1, Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chun quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sara Fish Ltd"	9.995.468.250		9.995.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapsen International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co, Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Đối tượng khác	8.314.454.022		8.314.454.022	
Cộng	57.034.488.390		57.034.488.390	

07. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.353.179.916		10.246.433.896	
- Công cụ, dụng cụ	592.075.091		715.673.565	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.182.125.961		27.675.659.456	
- Thành phẩm	846.553.364.811		684.767.186.783	
- Hàng hóa	571.735.110.999		494.002.996.933	
- Hàng gửi đi bán	9.816.811.056		7.259.853.616	
Cộng	1.471.232.667.834		1.224.667.804.249	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cum CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ư đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.440.855.635.320 VND

08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm	467.559.997	14.778.209.810
+ Kho lạnh 04		14.321.499.813
+ Trung Tâm Cá Tra Giồng	10.850.000	
+ Khác	456.709.997	456.709.997
Xây dựng cơ bản	733.058.209.785	571.108.730.997
+ Kho lạnh số 04		145.580.345.958
+ Khu đô thị Bình Long	401.317.925.000	401.317.925.000
+ Trung tâm cá giống	290.388.009.448	2.296.183.404
+ Nhà máy thủy sản Hoa Kỳ	26.346.228.754	4.379.421.944
+ Trung tâm thương mại huyện Lấp Vò	2.403.667.290	
+ Máy ly tâm		4.452.987.885
+ Chi phí bồi hoàn đất huyện Cư Jut	3.713.038.187	3.713.038.187
+ Công trình khác	8.889.341.106	9.368.828.624
Cộng	733.525.769.782	585.886.940.807

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	533.206.548.612	801.125.320.377	32.081.536.152	5.312.433.748	14.919.635.605	1.386.645.474.494
2. Số tăng trong năm	136.538.511.563	86.476.414.687	9.226.599.458	54.800.000	13.732.602.918	246.028.928.626
- Mua trong năm	5.620.000.000	811.000.000	1.705.702.446	54.800.000		8.191.502.446
- Đầu tư XDCB hoàn thành	130.918.511.563	6.646.350.155			13.732.602.918	151.297.464.636
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		79.019.064.332	7.520.897.012			86.539.961.344
3. Số giảm trong năm			1.704.172.727			1.704.172.727
- Chuyển bán, thanh lý			1.704.172.727			1.704.172.727
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	669.745.060.175	887.601.735.064	39.603.962.883	5.367.233.748	28.652.238.523	1.630.970.230.393
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	190.297.812.648	561.001.573.622	31.067.674.155	2.593.852.596	9.372.169.927	794.333.082.948
2. Khấu hao trong năm	26.965.753.810	87.425.219.072	8.197.989.090	589.525.385	1.335.028.032	124.513.515.389
- Khấu hao trong năm	26.965.753.810	54.794.102.394	677.092.078	589.525.385	1.315.028.032	84.361.501.809
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		32.631.116.368	7.520.897.012			40.152.013.580
3. Giảm trong năm			1.704.172.727			1.704.172.727
- Thanh lý, nhượng bán			1.704.172.727			1.704.172.727
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	217.263.566.458	648.426.792.694	37.561.490.518	3.183.377.981	10.707.197.959	917.142.425.610
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	342.908.735.964	240.123.746.755	1.013.861.997	2.718.581.152	5.547.465.678	592.312.391.546
2. Tại ngày cuối năm	452.481.493.717	239.174.942.370	2.042.472.365	2.183.855.767	17.945.040.564	713.827.804.783

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 504.015.912.001 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 399.783.817.286 VND
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cảnh, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật liệu trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	11.070.071.709	99.415.588.494	17.095.897.012			127.581.557.215
2. Số tăng trong năm						
- Thuế tài chính trong năm						
- Thanh lý tài sản thuế tài chính						
3. Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		78.842.947.794	7.520.897.012			86.363.844.806
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		78.842.947.794	7.520.897.012			86.363.844.806
4. Số dư cuối năm	11.070.071.709	20.572.640.700	9.575.000.000			41.217.712.409
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	7.562.732.001	32.671.566.147	9.278.971.765			49.513.269.913
2. Khấu hao trong năm	2.892.936.696	5.788.465.270	2.231.508.549			10.612.910.515
- Khấu hao trong năm	2.892.936.696	5.788.465.270	2.231.508.549			10.612.910.515
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
3. Giảm trong năm		32.631.116.568	7.520.897.012			40.152.013.580
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		32.631.116.568	7.520.897.012			40.152.013.580
4. Số dư cuối năm	10.155.668.697	5.828.914.849	3.989.583.302			19.974.166.848
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	3.507.339.708	66.744.022.347	7.816.925.247			78.068.287.302
2. Tại ngày cuối năm	914.403.012	14.743.725.851	5.585.416.698			21.243.545.561

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 1.135.026.063 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính

- Điều khoản giá trị tạm thời hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Minh Công, ấp An Thuận, Xã Lập Võ, T. Đông Thành.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Biên quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	173.940.981.651			1.491.367.400	175.432.349.051
2. Số tăng trong năm	15.767.060			435.000.000	450.767.060
- Mua trong năm				435.000.000	435.000.000
- Đầu tư MDCB hoàn thành					
- Tặng khác	15.767.060				15.767.060
3. Số giảm trong năm					
- Chuyển lý nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	173.956.748.711			1.926.367.400	175.883.116.111
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	31.260.938.088			846.204.206	32.107.142.294
2. Khấu hao trong năm	3.629.902.326			226.218.857	3.856.121.183
- Khấu hao trong năm	3.629.902.326			226.218.857	3.856.121.183
- Tặng khác					
3. Giảm trong năm					
- Chuyển lý nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	34.890.840.414			1.072.423.063	35.963.263.477
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	142.680.043.563			645.163.194	143.325.206.757
2. Tại ngày cuối năm	139.065.908.297			853.944.337	139.919.852.634

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 137.769.424.697 VND
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 785.000.000 VND



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cỏng, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	173.409.054.479	149.825.181.097		323.234.235.576
2. Số tăng trong năm				
- Mua trong năm				
- Đầu tư XDCB hoàn thành				
- Tăng khác				
3. Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	173.409.054.479	149.825.181.097		323.234.235.576
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	75.219.316.862	3.919.524.282		79.138.841.144
2. Khấu hao trong năm	8.063.026.874	392.211.852		8.455.238.726
- Khấu hao trong năm	8.063.026.874	392.211.852		8.455.238.726
- Tăng khác				
3. Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
4. Số dư cuối năm	83.282.343.736	4.311.736.134		87.594.079.870
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	98.189.737.617	145.905.656.815		244.095.394.432
2. Tại ngày cuối năm	90.126.710.743	145.513.444.963		235.640.155.706

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 57.451.554.440 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 14.856.918.387 VND

- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Hiện tại Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa tìm được công ty định giá phù hợp để thực hiện công việc này, cũng như chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đông, Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngân hạn	2.564.151.603	2.783.255.167
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	806.332.434	516.954.647
Các khoản khác	1.757.819.169	2.266.300.520
b) Đất hạn	19.262.977.647	8.158.647.309
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.487.582.610	2.010.681.747
Các khoản khác	3.775.395.037	6.147.965.562
Cộng	21.827.129.250	10.941.902.476

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua hàng Công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
	216.843.182.573	230.203.672.197
Cộng	216.843.182.573	230.203.672.197

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Vay ngân hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ
Vay ngân hạn	4.360.814.353.064	4.360.814.353.064	7.700.667.518.753	7.552.573.696.280	4.212.720.530.591	4.212.720.530.591
Nợ dài hạn đến hạn trả	50.000.000.000	50.000.000.000	40.000.000.000	30.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng cộng	4.410.814.353.064	4.410.814.353.064	7.740.667.518.753	7.582.573.696.280	4.252.720.530.591	4.252.720.530.591

Chi tiết các khoản vay ngân hạn

Các khoản vay ngân hạn

Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm
 Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sa Đéc
 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang
 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc
 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé
 Ngân hàng BPCE BOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.360.814.353.064	4.212.720.530.591
	89.523.538.000	86.822.298.000
	58.433.136.515	46.665.290.200
	1.938.599.737.621	1.754.219.197.731
	199.151.318.383	231.094.624.300
	81.495.907.800	259.961.031.381
	152.501.951.459	151.645.206.549



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cường, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đing Thấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

15 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chỉ kể các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Đồng Tháp		
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - Chi nhánh Vũng Tàu - PGD Rạch Dớn		
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Đồng Nai		
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát Triển - Chi nhánh An Giang		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh An Giang		
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh An Giang		
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)		
Bank Sincapat CN Hồ Chí Minh		
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM		
Ngân hàng TNHH MTV Wood Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh An Giang		
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp		
Ngân Hàng Thương Mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai		
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang		
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang		
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc Tế Chaitense		

Nợ dài hạn ngắn hạn

Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
177.314.932.500	153.874.160.400
432.567.841.671	415.311.657.513
149.005.123.251	88.384.960.542
102.522.279.765	23.000.000.000
	76.320.500.000
109.988.565.025	205.645.659.579
10.000.000.000	160.706.748.200
97.450.050.000	49.303.324.400
47.983.000.000	47.645.600.000
147.594.336.000	135.546.983.300
234.615.948.620	199.366.048.600
18.366.199.592	43.600.009.596
	33.607.230.300
30.000.000.000	30.000.000.000
130.640.100.000	
87.474.947.914	
63.918.772.078	
1.666.666.670	
50.000.000.000	40.000.000.000
50.000.000.000	40.000.000.000
4.410.814.353.064	4.252.720.530.591



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lập Vò, T.Đông Thạnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn

	Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị
Trên 1 năm đến 5 năm	122.230.000.000	122.230.000.000	138.850.000.000	197.070.000.000	180.450.000.000
Cộng	122.230.000.000	122.230.000.000	138.850.000.000	197.070.000.000	180.450.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn

First Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM

Vay cá nhân

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm
80.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
42.230.000.000	60.450.000.000	60.450.000.000
122.230.000.000	180.450.000.000	180.450.000.000

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

	Năm 2025		Năm 2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc
Thời hạn				
Từ 1 năm trở xuống	17.242.853.971	16.107.827.908	20.871.775.468	19.439.475.400
Trên 1 năm đến 5 năm	1.135.026.063	1.135.026.063	12.680.521.029	10.563.400.044
Cộng	17.242.853.971	16.107.827.908	33.552.296.497	30.002.875.444



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Giá trị nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Ngắn hạn	5.563.786.205	5.563.786.205	16.107.828.108	16.107.828.108
Gốc nợ thuế tài chính	5.563.786.205	5.563.786.205	16.107.828.108	16.107.828.108
Dài hạn			5.563.786.005	5.563.786.005
Gốc nợ thuế tài chính			5.563.786.005	5.563.786.005
Cộng	5.563.786.205	5.563.786.205	21.671.614.113	21.671.614.113

- d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có
- e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có
- f) Trái phiếu thường

	Giá trị	năm hạn	Số đầu năm	
			Lãi suất	Lãi suất
Ngắn hạn	969.341.339.709			
Dài hạn	969.341.339.709			
+ Trái phiếu	1.000.000.000.000	96 tháng	5,575%/năm	5,575%/năm
Trái phiếu phát hành	(30.658.660.291)			
Phân bổ chi phí trái phiếu				
Cộng	969.341.339.709			

Đây là khoản vay được bảo hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ Dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hòa Kỳ (giai đoạn 2) và Dự án Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sơn Mai. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, ngày đầu hạn vào tháng 10 năm 2032. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 8 năm của trái phiếu được xác định là 5,575%/năm. Trái phiếu này được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd, thời hạn bảo lãnh 8 năm theo "Thư thỏa thuận bảo lãnh" ngày 29/10/2024 và "Thư hiệu lực bảo lãnh" ngày 30/10/2024. Đến ngày 31/12/2025 Công ty đã sử dụng 270.000.000.000 VND để đầu tư thực hiện dự án Trung Tâm Giống Thủy Sản Công Nghệ Cao Sơn Mai từ nguồn phát hành Trái Phiếu Doanh Nghiệp riêng lẻ của Công ty. Nguồn vốn còn lại Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện theo kế hoạch giải ngân.

Số tiền trái phiếu sẽ được sử dụng theo thỏa thuận của văn bản này. (Becorpus Deed.)



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thuận, X.Lấp Vò, T.Đông Thuận.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

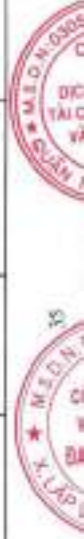
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

Tên cho vay	Hợp đồng/Khoản nợ	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Đư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Lộc Khiêm	OIK_DN_2998_170625 ngày 30/06/2025		906.000.000.000	3.394.000,00	89.523.538.000	9	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang	01/2025/4426663/HDT ngày 31/03/2025		49.000.000.000		45.786.121.840	12	5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
	01/2025/4426663/HDT D ngày 30/10/2025		1.900.000.000.000	20.383.500,00	537.655.579.500	8	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	01/2025/4426663/HDT D ngày 31/10/2025		200.000.000.000	3.520.000,00	92.847.040.000	8	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
	01/2025/4426663/HDT D ngày 31/10/2025		200.000.000.000		106.304.278.583				
Ngân hàng BPCE IOM - CN Tp. Hà Chí Minh	FCA000659-2025 ngày 13/01/2025	3.500.000			91.727.550.000	6	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - CN TP.HCM	FAGSTF/2018-005/APP6 ngày 22/09/2025	7.000.000			177.314.932.500	9	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSĐĐ của công ty
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN An Giang	112-0034347.10453/2025/HDTDHH ngày 06/06/2025		50.000.000.000	696.296,00	18.366.199.592	6	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP công thương Đông Tháp	156/2025-HCVHM/NHCT720-IDU ngày 15/07/2025		400.000.000.000	15.132.625,76	399.153.269.671	8	Theo từng kế hoạch ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSĐĐ của công ty, tiền gửi



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Lập Vò, T.Đông Thạnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Đơn vị vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng Phát Triển Tp HCM - CN Vũng Tàu	29752/23MN/HĐTD ngày 07/11/2023		480.000.000.000	3.045.243,00	80.324.374.611	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân Hàng TNHH INDOVINA -CN Đồng Nai	IVB-DN/CL/0725/131 ngày 24/07/2025	3.000.000			51.735.590.000	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang	170/2025/HĐTD/AGG ngày 02/06/2025		280.000.000.000		94.034.140.025	9	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài sản khác
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - CN An Giang	REF2528960896/HĐC HMTD ngày 24/10/2025		75.000.000.000	1.705.082,00	44.974.947.914	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Bank Sinopac CN HCM	231023-SDBS2 ngày 12/05/2025	2.000.000			47.983.000.000	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
First Commercial Bank - CN HCM	MLBTD5-H10230079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000		50.000.000.000	60	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tài Sản khác
	TRLBTDUS-H30250100 ngày 18/07/2025	6.000.000			147.594.336.000	12	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân Hàng Woori Bank CN Hà Nam	VN123007736-007/WB/VN/03 - LD.I ngày 17/09/2025		150.000.000.000		149.992.542.000	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng United Overseas Bank (VN)	UOB/HCM/CMB/267 3003 ngày 20/09/2024	4.000.000			97.450.050.000	6	Theo tăng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đông Thạnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - CN Đồng Nai	100011151.D0001.20257 0 ngày 23/06/2025	5.000.000			130.640.100.000	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN An Giang	T7/2025/HDDT/PVB-AGG ngày 25/08/2025		70.000.000.000		63.918.772.078	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD	QSDD Công ty khác
Ngân hàng TMCP A Châu	SDIE.DN.6857.090525		73.400.000.000		58.433.136.315	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	CLC-32804-01		250.000.000.000		10.000.000.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Ngân hàng BFCB IOM	FC.A000601-2025	5.000.000			60.774.401.459	5-7	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	268/2024- HCVHM/NHCTT20- TRISEDCO		55.000.000.000		33.414.572.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và bất động sản
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	29/2025/HDDT/AGG		70.000.000.000		15.954.425.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	85/2024/VCB.BT-CRC		30.000.000.000		30.000.000.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Hàng hoá + Tiền gửi
Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Đồng Nai	IVB-EN/CL/12247.59	2.000.000			30.786.689.765	3-6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp. An Thạnh, Xã Lập Vò, T.Đông Thạnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khí ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	01/2024-4956478/HET D		400.000.000.000		81.495.907.800	6	Theo từng kế hoạch trả nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng WOOORI	VN123002861-007/WB/VN/303		85.000.000.000		84.623.406.620	11	Theo từng kế hoạch trả nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN An Giang	REF2436213041/HDH MTDLT		100.000.000.000		12.500.000.000	6	Theo từng kế hoạch trả nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Vũng Tàu	37243/22MN/HETD		90.000.000.000		3.706.748.640	6	Theo từng kế hoạch trả nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Chaitasee	Z2411289C0		10.000.000.000		1.666.666.670	12	Theo từng kế hoạch trả nợ	Phục vụ hoạt động kinh doanh	Máy móc thiết bị
Tổng vay ngắn hạn		35.500.000	5.763.400.000.000	47.876.746,76	4.410.814.353.064				



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Dồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Nhân tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

Biểu cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dự nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
First Commercial Bank - CN HCM	MLBTD5-H10230079 ngày 08/10/2023		200.000.000.000		80.000.000.000	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài Sản khác
Đối tượng khác	Tổng hợp đồng ex thể				42.230.000.000	24	Theo hợp đồng	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Vay của cá nhân
Tổng dài hạn			200.000.000.000		122.230.000.000				
Công ty do thuê TC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN HCM	91/2021/CN.Mô-CTTC ngày 27/12/2021		3.051.392.611		5.218.399.984	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING	C2201170C2		8.634.655.933		345.386.221	50	7,48%	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký cược
Thuế mua tài chính			39.686.548.544		5.563.786.205				



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Minh Công nghiệp An Thạnh, Xã Lập Văn, T.Đông Thạnh,
 Năm 2025

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Phải nộp	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
Thuế GTGT		824.463.640	909.561.917	85.098.277
Thuế TNDN - hoạt động SXKD chính	38.524.513.899	29.796.630.534	26.105.942.463	34.833.825.928
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.967.775.542	3.967.775.542	
Thuế thu nhập cá nhân	287.477.312	1.830.746.313	2.158.215.176	614.946.175
Thuế tài nguyên	10.416.000	253.456.000	417.808.000	174.768.000
Thuế đất		4.713.304.148	4.713.304.148	
Thuế nhà thầu		4.597.667.751	4.597.667.751	
Thuế khác		1.062.908.171	1.062.908.171	
Cộng	38.822.407.211	47.046.951.999	43.933.183.168	35.798.638.380

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi sau quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	18.617.810.701	19.400.802.762
Chi phí lãi vay	11.816.310.701	10.083.679.474
Chi phí lãi vay trái phiếu	6.801.500.000	9.317.123.288
b) Dài hạn		
Cộng	18.617.810.701	19.400.802.762

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	35.708.319.006	29.232.760.136
Kinh phí công đoàn	2.139.815.631	941.756.024
Bảo hiểm y tế	138.486.000	204.863.909
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.639.621.960	6.167.221.950
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.068.300	883.203.626
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.797.327.115	21.035.715.022
Phải trả khác là các bên khác	13.820.438.115	11.058.826.022
+ Công ty Điện lực Đồng Tháp	2.811.863.855	1.772.738.490
+ Công ty TNHH SAFACO		1.529.574.800
+ Phát triển khác	11.008.574.260	7.756.512.732
Phải trả khác là các bên liên quan	11.976.889.000	9.976.889.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	11.976.889.000	9.976.889.000
b) Dài hạn		
Cộng	35.708.319.006	29.232.760.136

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.085.533.379	
Dự phòng phải trả tiền lương	2.085.533.379	
b) Dài hạn		
Cộng	2.085.533.379	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lập Vò, T.Đông Thành,
 Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại ngày 01/01/2024	2.276.446.080.000	196.813.460.000	17.060.700.000	89.074.777.732	657.853.134.910	174.045.075.333	3.411.293.227.975
Lãi trong năm trước					60.461.528.542	12.214.939.358	72.676.467.900
Tăng vốn trong năm trước	455.280.600.000	49.873.940.000					505.154.540.000
Tổng do trích lập từ lợi nhuận							
Thi công bảng cổ phiếu					(505.154.540.000)		(505.154.540.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận				9.188.699.378	(11.188.699.378)		(2.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	2.731.726.680.000	246.687.400.000	17.060.700.000	98.263.477.110	201.971.424.074	186.260.014.691	3.481.969.695.875
Tại ngày 01/01/2025	2.731.726.680.000	246.687.400.000	17.060.700.000	98.263.477.110	201.971.424.074	186.260.014.691	3.481.969.695.875
Lãi trong năm nay					128.040.880.599	14.909.675.169	142.950.555.768
Tăng vốn trong năm nay							
Trích quỹ từ lợi nhuận (*)				1.188.705.000	(1.188.705.000)		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu							
Tăng khác							
Giảm khác							
Tại ngày 31/12/2025	2.731.726.680.000	246.687.400.000	17.060.700.000	99.452.182.110	328.823.599.673	201.169.689.860	3.624.920.251.643

(*) Theo Nghị quyết ĐHKCD thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ - ĐHKCD ngày 26/04/2025 của Công ty CP Đầu tư Đa Quốc Gia và Phát triển Thủy Sản thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau: Trích Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp số tiền là 500.000.000 đồng, trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu số tiền là 500.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển số tiền là 500.000.000 đồng.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

22. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ	1.399.349.160.000	51,23%	1.399.349.160.000	51,23%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.399.349.160.000	51,23%	1.399.349.160.000	51,23%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.332.377.520.000	48,77%	1.332.377.520.000	48,77%
Cộng	2.731.726.680.000	100,00%	2.731.726.680.000	100,00%

22. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.731.726.680.000	2.276.446.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		455.280.600.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.731.726.680.000	2.731.726.680.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		455.280.600.000

22. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	273.172.668	273.172.668
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	273.172.668	273.172.668
- Cổ phiếu phổ thông	273.172.668	273.172.668
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	273.172.668	273.172.668
- Cổ phiếu phổ thông	273.172.668	273.172.668
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

22. 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	76.437.451.796	76.041.216.796
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	11.507.365.157	11.111.130.157
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.507.365.157	11.111.130.157
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.198.314.251	19.198.314.251

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	2.468.991,84	2.712.532,16
- Bảng Anh (EUR)	2.876,52	3.883,62
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	6.951,08	22.947,60
- Baht Thái Lan (THB)	16.848,91	5.150,00
- Singapore (SGD)	6.694,00	6.694,00
- Real Brazil (BRL)	5.363,00	

24. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí còn lại	13.110.437.252	10.263.385.100

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nấm từ phụ phẩm cá tra".

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LDJ
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	3.215.487.588.195	2.774.946.673.682
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.491.900.558.228	2.895.567.645.408
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.185.963.007.050	1.417.780.638.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.147.592.729	53.565.470.424
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	3.910.934.000	240.720.000.000
Cộng	6.949.409.680.202	7.142.101.147.514
b) Doanh thu đối với các bên liên quan:		
Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2025
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	19.298.464.000

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
Giảm giá hàng bán	1.047.715.929	582.031.564
Hàng bán bị trả lại	3.268.263.005	4.745.722.560
Cộng	4.315.978.934	5.327.753.884

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.871.816.454.722	2.511.093.280.221
Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.389.068.620.642	2.809.227.475.222
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.042.659.585.023	1.206.491.761.001
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.343.860.134	51.369.705.318
Giá vốn kinh doanh hàng hóa Bất động sản	2.384.352.182	97.920.000
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho		(307.120.895)
Cộng	6.356.272.872.703	6.577.973.020.867

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.705.953.637	134.042.739.188
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.654.582.073	38.280.765.022
Lãi từ cổ tức lợi nhuận được chia	25.650.000.000	5.700.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.649.168.500	1.203.365.650
Cộng	177.659.704.210	179.226.869.860

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thuận, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	293.729.828.794	309.079.691.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.527.735.624	48.253.156.198
Chi phí tài chính khác	1.229.874.537	3.049.692.755
Cộng	335.487.438.955	360.382.540.923

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên	9.069.930.351	8.221.126.053
Chi phí khấu hao	345.183.579	362.544.054
Chi phí vận chuyển hàng hóa	90.861.973.339	112.480.429.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.529.295.762	23.335.185.613
Chi phí bằng tiền khác	38.956.426.582	44.396.745.284
Cộng	169.762.809.613	188.796.031.578

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên	34.833.315.454	24.807.775.232
Chi phí công cụ, dụng cụ	656.206.945	479.739.422
Chi phí khấu hao	4.144.183.745	4.007.498.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.976.538.703	6.548.190.956
Thuế, phí, lệ phí	32.025.908	44.761.038
Các khoản chi phí QLDN khác	12.575.290.881	12.923.889.149
Lợi thế thương mại	33.360.489.624	33.360.489.625
Cộng	91.578.051.260	82.361.733.191

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ cho thuê tài sản	6.679.956.574	27.350.908
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	51.515.151	5.710.067.476
Các khoản khác	4.526.234.368	3.763.509.058
Cộng	11.257.706.093	11.500.927.442

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí cho thuê tài sản	4.428.321.608	4.841.957.974
Các khoản bị phạt	1.160.519.681	2.034.237.215
Các khoản khác	2.573.911.549	2.944.657.438
Cộng	8.162.752.838	9.820.852.627

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Văn Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.703.165.156.265	2.082.838.648.146
Chi phí nhân công	358.511.418.362	315.629.000.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.285.772.233	107.626.572.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.121.440.524	228.707.130.180
Chi phí khác bằng tiền	110.961.312.123	116.056.504.002
Cộng	3.528.045.099.507	2.850.857.855.968

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	172.747.186.202	108.167.011.746
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (2):	82.235.170.446	112.872.336.561
- Các khoản điều chỉnh tăng	108.751.631.474	117.498.679.069
- Các khoản điều chỉnh giảm	(26.516.461.028)	(4.626.342.508)
Thu nhập chịu thuế (3) = (1)+(2)	254.982.356.648	221.039.348.307
Thu nhập được miễn thuế (4)		
Lỗi các năm trước được chuyển (5)		
Thu nhập tính thuế (6) = (3)+(4)+(5)	254.982.356.648	221.039.348.307
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	36.748.471.494	32.886.886.304
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN (**)	(6.951.841.060)	2.603.657.452
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.796.630.434	35.490.543.846

(*) Theo thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính, Công ty chịu thuế TNDN với mức thuế suất 10% cho hoạt động chế biến thủy sản và thuế suất 20% cho các hoạt động khác.

Công ty được ưu đãi với thuế suất thuế TNDN là 17% trong 10 năm, được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm 2019, giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo đối với hoạt động của Dự án đầu tư mới là "Nhà Máy Chế Biến Đông Lạnh Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch"

Thu nhập từ sản xuất của Nhà máy Bột cá áp dụng thuế suất theo ngành nghề chế biến thủy sản là 10% trong suốt thời gian hoạt động (Căn cứ theo Khoản 4, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015).

Thu nhập từ thương mại và hoạt động tài chính không được hưởng ưu đãi nên áp dụng thuế suất phổ thông là 20%.

(**) Trong kỳ có quyết toán lại thuế TNDN của các kỳ trước; chênh lệch giữa tạm trích thuế TNDN và sau quyết toán của kỳ trước.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	128.040.880.599	60.461.528.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	273.172.668	244.064.564
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	469	248

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	128.040.880.599	60.461.528.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	273.172.668	244.064.564
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	469	248

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.665.674.450.899	6.945.119.606.500
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường		954.106.934.523

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	7.559.016.648.121	6.884.837.267.976

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên cho thuê

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền cho thuê phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động được tạm tính theo giá cho thuê hiện tại trên hợp đồng được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	47.827.390.248	48.087.723.579
Trên 1 năm đến 5 năm	122.292.229.966	146.422.358.506
Trên 5 năm	132.654.254.795	156.351.516.503
Cộng	302.773.875.009	350.861.598.588

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tạm tính theo giá thuê hiện tại trên hợp đồng được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.940.000.000	5.940.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	23.760.000.000	23.760.000.000
Trên 5 năm	129.690.000.000	135.630.000.000
Cộng	159.390.000.000	165.330.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2025	Năm 2024
Thù lao Hội đồng quản trị		1.992.000.000	1.341.000.000
Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	432.000.000	381.000.000
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch	300.000.000	240.000.000
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Tống Phi Hùng	Thành viên	300.000.000	120.000.000
Lê Văn Cảnh	Thành viên	300.000.000	120.000.000
Lê Mạnh Huân	Thành viên	300.000.000	120.000.000
Thù lao ban kiểm soát		108.000.000	108.000.000
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Tiền lương		2.419.744.728	2.283.746.729
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc	779.635.000	748.750.000
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	584.410.000	546.575.000
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	710.600.000	663.900.000
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	345.099.728	324.521.729

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Công ty con của Công ty CP TD Sao Mai

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025	Năm 2024
	Bán trong năm	43.279.061.200	48.293.720.000
	- Xuất bán cá tra đông lạnh	42.963.361.200	47.816.320.000
	- Phí ủy thác xuất khẩu cá tra	315.700.000	477.400.000
	Mua trong năm	6.327.162.369	903.924.069
	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn		242.257.402
	- Chi phí thuê phòng, vùng nuôi Tấn Long	206.666.667	661.666.667
	- Đầu đọc thẻ RFID	50.895.702	
	- Showroom Lấp Vò	6.069.600.000	
	Cho mượn tạm trong năm	21.800.000.000	138.500.000.000
	- Cho mượn tạm	21.800.000.000	138.500.000.000
	Mượn tạm trong năm		2.900.000.000
	- Mượn tạm		2.900.000.000
	Trả tiền trong năm	6.484.106.771	746.979.667
	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn	156.944.402	85.313.000
	- Chi phí thuê đất Tấn Long	206.666.667	661.666.667
	- Đầu đọc thẻ RFID	50.895.702	
	- Showroom Lấp Vò	6.069.600.000	
	Cho vay trong năm		912.200.000.000
	- Cho vay huy động vốn		912.200.000.000
	Thu tiền trong năm	65.079.061.200	1.612.464.869.000
	- Thu lãi cho vay		56.271.148.000
	- Thu hoàn tiền cho vay		1.369.400.000.000
	- Thu hoàn tiền cho mượn tạm	21.800.000.000	138.500.000.000
	- Xuất bán cá tra đông lạnh	42.963.361.200	47.816.320.000
	- Phí ủy thác xuất khẩu cá tra	315.700.000	477.400.000
	Các khoản khác	42.626.194.518	52.283.691.268
	- Ủy thác xuất khẩu cá tra	42.626.194.518	51.127.390.700
	- Thu hộ cước vận chuyển		1.156.300.568

+ Công ty CP Tập
đoàn Sao Mai

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025	Năm 2024
	Bán trong năm	3.588.156.200	36.058.225.500
	- Tiền bán bột cá	91.532.000	32.519.853.000
	- Tiền cho thuê cụm máy ép đùn trục đôi	2.786.400.000	2.851.200.000
	- Tiền bán nước sạch	710.224.200	687.172.500
	Cho mượn tạm trong năm		15.000.000.000
	- Cho mượn tạm		15.000.000.000
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Thu tiền trong năm	3.588.156.200	57.889.230.000
	- Thu tiền cho thuê tài sản, bán nước sạch	3.496.624.200	3.538.372.500
	- Thu tiền từ bán bột cá	91.532.000	39.350.858.000
	- Thu hoàn tiền cho mượn tạm		15.000.000.000
	Mua hàng trong năm	6.534.000.000	6.534.000.000
	- Phải trả tiền thuê văn phòng	6.534.000.000	6.534.000.000
	Trả tiền trong năm	6.534.000.000	6.534.000.000
	- Phải trả tiền thuê văn phòng	6.534.000.000	6.534.000.000
	Bán hàng trong năm	120.000.000	120.000.000
	- Tiền cho thuê tài sản	120.000.000	120.000.000
	Thu tiền trong năm	120.000.000	150.000.000
	- Thu tiền cho thuê tài sản	120.000.000	150.000.000
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Mua hàng trong năm	1.891.271.115	1.217.969.885
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay, tham quan	1.891.271.115	1.217.969.885
	Trả tiền trong năm	1.894.489.915	1.097.901.485
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay, tham quan	1.894.489.915	1.097.901.485
	Mua hàng trong năm	307.906.600	1.004.628.200
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay, phí tham quan	307.906.600	1.004.628.200
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Trả tiền trong năm	308.396.600	1.006.038.200
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay, phí tham quan	308.396.600	1.006.038.200
	Khoản khác	25.650.000.000	5.700.000.000
	- Thu tiền cổ tức	25.650.000.000	5.700.000.000
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Thu tiền trong năm	11.400.000.000	5.700.000.000
	- Cổ tức	11.400.000.000	5.700.000.000
	Mua hàng trong năm	1.892.203.105	427.308.200
	- Pin năng lượng mặt trời	1.892.203.105	427.308.200
+ Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar	Trả tiền trong năm	1.711.555.122	427.308.200
	- Pin năng lượng mặt trời	1.711.555.122	427.308.200

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Không có

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	- Dịch vụ đặt tiệc, vé máy bay, khách sạn		450.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Dịch vụ đặt tiệc, khách sạn		156.941.402
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Dịch vụ đặt tiệc, vé máy bay, phí tham quan	86.400.000	130.467.800
+ Công ty TNHH Thương Mại Sao Mai Solar	- Pin năng lượng mặt trời	180.647.983	

CÁC KHOẢN PHẢI KHÁC

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Phải trả khác		9.976.889.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, Ấp An Thạnh, Xã Lập Võ, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

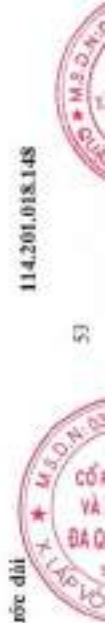
04 . Thông tin bổ phần

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm 2025			Năm 2024		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.242.304.871.053	2.702.788.830.215	6.945.093.701.268	4.735.345.323.176	2.401.428.070.454	7.136.773.393.630
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.242.304.871.053	2.702.788.830.215	6.945.093.701.268	4.735.345.323.176	2.401.428.070.454	7.136.773.393.630
KQKD theo bộ phận	183.981.565.630	404.839.262.935	588.820.828.565	254.448.848.189	304.351.524.574	558.800.372.763
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(261.340.860.873)			(271.157.764.709)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	327.479.967.692		327.479.967.692			287.642.607.994
Doanh thu hoạt động tài chính			177.659.704.210			179.226.869.860
Chi phí tài chính			(335.487.438.955)			(360.382.540.923)
Tua nhập khác			11.257.706.093			11.500.927.442
Chi phí khác			(8.162.752.838)			(9.820.852.627)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(29.796.630.434)			(35.490.543.846)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế TNDN	142.950.555.768		142.950.555.768			72.676.467.900
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			347.429.137.740			35.749.274.250
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			114.201.018.148			111.891.444.770



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Lập Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.445.105.660.206	262.080.076.082	2.707.186.336.288	2.044.537.023.492	284.151.656.974	2.328.688.680.466
Tài sản không phân bổ			6.937.737.961.571			7.048.691.328.625
Tổng tài sản	2.445.105.660.206	262.080.076.082	9.644.924.297.859	2.044.537.023.492	284.151.656.974	9.377.380.009.091
Nợ phải trả bộ phận	338.939.915.505	46.637.033.836	385.576.949.341	325.860.611.328	39.801.906.754	365.662.518.082
Nợ phải trả không phân bổ			5.621.316.659.623			5.519.484.410.034
Tổng nợ phải trả	338.939.915.505	46.637.033.836	6.006.893.608.964	325.860.611.328	39.801.906.754	5.885.146.928.116

b. Báo cáo bộ phận theo yếu tố kinh doanh

Năm 2025

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thực ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.211.171.609.261	2.491.900.558.228	1.185.963.007.050	56.058.526.729	6.945.093.701.268
Tài sản bộ phận	2.069.779.662.479	1.197.789.358.292	1.173.275.553.145	5.204.079.723.943	9.644.924.297.859
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					347.429.137.740

Năm 2024

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thực ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.769.618.919.798	2.895.567.645.408	1.417.780.638.000	53.806.190.424	7.136.773.393.630
Tài sản bộ phận	1.992.364.256.787	1.060.369.971.860	1.017.316.754.291	5.307.329.026.153	9.377.380.009.091
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					35.749.274.250



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

05. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để dần dần thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả dài hạn có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lương tiền.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đông Thạnh.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chiis được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	309.414.263.890			309.414.263.890
Người mua trả tiền trước	48.210.812.247			48.210.812.247
Vay và nợ	4.416.378.139.269	1.091.571.339.709		5.507.949.478.978
Chi phí phải trả	18.617.810.701			18.617.810.701
Các khoản phải trả phải nộp khác	35.708.319.006			35.708.319.006
Cộng	4.828.329.345.113	1.091.571.339.709		5.919.900.684.822

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.468.992	2.712.532
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	10.044.882	11.218.040
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(261.364)	(81.586)
Vay và nợ thuê tài chính	(47.876.747)	(54.260.382)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(35.624.237)	(40.411.396)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiệu tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(18.874.675.526)	(20.721.102.605)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	18.874.675.526	20.721.102.605

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm CN Văn Công, ấp An Thạnh, X.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cổ vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	1.119.589.942.668	878.182.500.000
Hàng tồn kho	1.440.855.635.320	1.099.021.697.327
Tài sản cố định hữu hình	504.015.912.001	374.341.136.791
Quyền sử dụng đất	137.769.424.697	141.383.559.963
Bất động sản đầu tư	57.451.554.440	203.601.135.270

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trung kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

